



ETS 1000_RC TEST 1

PART 5

101. Ms. Durkin asked for volunteers to help ---
---- with the employee fitness program.

- (A) she
- (B) **her**
- (C) hers
- (D) herself

Tạm dịch: Cô Durkin yêu cầu các tình nguyện viên giúp đỡ **cô ấy** về chương trình thể dục cho nhân viên.

Phân tích:

câu A- “she” là chủ ngữ, phải đứng trước động từ.

Câu C-“hers” –đại từ sở hữu vừa có thể đứng ở vị trí chủ ngữ, vừa có thể là tân ngữ trong câu. Ví dụ: Her car is white. Mine is black. (mine = my car). Tuy nhiên, không có danh từ phía trước bổ nghĩa cho her.

Câu D-”herself” không hợp nghĩa.

Đáp án đúng là câu B

102. Lasner Electronics' staff have extensive
----- of current hardware systems.

- (A) know
- (B) known
- (C) **knowledge**
- (D) knowledgeable

Tạm dịch: Nhân viên công ty điện tử Lasner có **kiến thức** rộng về các hệ thống phần cứng hiện tại.

Phân tích: Vì extensive là tính từ nên sau đó phải cần một danh từ (**adj + N**), như vậy câu C là đáp án đúng. Câu A là động từ, câu B là động từ cột 3, đi cùng với be hoặc has/have, câu D là tính từ

- (A) biết
- (B) đã biết
- (C) kiến thức
- (D) có kiến thức

103. ----- a year, Tarrin Industrial Supply audits the accounts of all of its factories.

- (A) **Once**
- (B) Immediately
- (C) Directly
- (D) Yet

Tạm dịch: Mỗi năm **một lần**, khu công nghiệp Tarrin kiểm kê các bản kê khai của các nhà máy của nó.

Phân tích: câu A-“once” là đáp án đúng vì “once in a year” là trạng từ tần suất. Câu B và C-“immediately” và D-“directly” là trạng từ đi một mình hoặc đi cùng với động từ. Câu D-“yet” thường dùng với thì hiện tại hoàn thành.

104. Ms. Pham requested a refund ----- the Coffee maker she received was damaged.

- (A) despite
- (B) why
- (C) **concerning**
- (D) because

Tạm dịch: Bà Phạm yêu cầu hoàn lại tiền **liên quan đến** máy pha cà phê đã bị hư hỏng.

Phân tích: câu A-“despite”+ danh từ nhưng ở đây trường hợp này không hợp nghĩa. Câu B và D, sau “why”, “because” theo sau là một mệnh đề (S+V+O), do đó đáp án đúng nhất là câu C-“concerning” (which concerns).



105. Information ----- the artwork in the lobby is available at the reception desk.

- (A) across
- (B) about**
- (C) upon
- (D) except

Tạm dịch: Thông tin về tác phẩm nghệ thuật ở sảnh thì có sẵn tại quầy tiếp tân.

Phân tích: câu B-“about” là đáp án đúng bởi vì **information** + **about/on SB/ST**. Các đáp án còn lại “across”, “upon”, “except” không hợp nghĩa trong ngữ cảnh này.

106. With the Gema XTI binoculars, users can ----- see objects that are more than 100 meters away.

- (A) ease
- (B) easy
- (C) easily**
- (D) easier

Tạm dịch: Với ống nhòm Gema XTI, người dùng có thể **dễ dàng** nhìn thấy vật thể cách xa hơn 100m.

Phân tích: cả câu đã có đủ chủ ngữ “users”, động từ “see” và tân ngữ “object”, và chỉ còn thiếu trạng từ, như vậy câu trả lời đúng là C-“easily”.

107. The Physical Therapy Association is committed to keeping costs ----- for its certification programs.

- (A) affordable**
- (B) permitted
- (C) cutting
- (D) necessary

Tạm dịch: Đoàn Vật lý trị liệu đã cam kết giữ chi phí vừa phải cho chương trình có giấy chứng nhận này.

Phân tích: câu A-“affordable” - tính từ là đáp án đúng bởi vì sau keep + O (tân ngữ) + adj (tính từ) và nghĩa phù hợp nhất với ngữ cảnh (có giá phải chăng). Câu B-“permitted” đi với giới từ “of”. Câu C và D có nghĩa không phù hợp nên loại.

108. Mr. Brennel ----- positions in various areas of the company before he became president.

- (A) occupation
- (B) occupational
- (C) occupying
- (D) occupied**

Tạm dịch: Ông Brennel **nhằm giữ** nhiều vị trí của nhiều lĩnh vực khác nhau của công ty trước khi anh ấy trở thành chủ tịch.

Phân tích: Vị trí còn thiếu mỗi động từ vì đã có sẵn chủ ngữ (Mr. Brennel) và tân ngữ (positions). Động từ cần điền là câu (C) hoặc câu (D), tuy nhiên “occupying” không có động từ to be đi kèm nên loại đáp án C. Đáp án đúng là D, động từ được chia quá khứ vì mệnh đề sau “became” ở thì quá khứ.



109. To remain on schedule, editors must submit all ----- to the book to the authors by Friday

- (A) ideas
- (B) essays
- (C) **revisions**
- (D) suggestions

Tạm dịch: Để duy trì đúng tiến độ, các biên tập viên phải gửi tất cả **phần chỉnh sửa** cho cuốn sách cho các tác giả vào thứ Sáu

Phân tích: Theo nghĩa ngữ cảnh của câu thì câu C là phù hợp nhất, biên tập viên phải nộp tất cả các phiên bản chỉnh sửa cho tác giả để kịp tiến độ

- (A) ý tưởng
- (B) tiểu luận
- (C) bản sửa đổi
- (D) sự đề xuất

110. ----- industry professionals are allowed to purchase tickets to the Kuo Photography Fair.

- (A) **Only**
- (B) Until
- (C) Unless
- (D) Quite

Tạm dịch: Chỉ những chuyên gia về công nghệ được phép mua vé tham dự Hội chợ Nhiếp ảnh Kuo.

Phân tích: Câu B và C “until” và “unless” sai vì không có mệnh đề phụ (S+V) kèm theo. Câu D sai vì quite chỉ có thể dùng trước a/the, danh từ hoặc trước 1 tên riêng để nhấn mạnh. Đáp án đúng là câu A “chỉ những chuyên gia công nghệ mới được phép mua vé”.

111. At Pharmbeck's banquet, Mr. Jones ----- a trophy for his performance in this year's quality-improvement initiative.

- (A) **accepted**
- (B) congratulated
- (C) nominated
- (D) hoped

Tạm dịch:

111. Trong bữa tiệc lớn của Pharmbeck, ông Jones **đã nhận** một chiếc cúp cho màn trình diễn của ông trong sáng kiến cải tiến chất lượng năm nay.

Phân tích: câu B sai vì **congratulate SB on ST**, câu C sai vì **nominate SB for ST** nhưng a trophy không phải chỉ người. Câu D sau **hope + of/for/ of doing something** nhưng không có tân ngữ chen giữa. Như vậy đáp án đúng là câu A.

- (A) đã nhận
- (B) đã chúc mừng
- (C) đã bổ nhiệm
- (D) đã hy vọng

112. Ms. Suto claims that important market trends become ----- with the use of data analysis.

- (A) predict
- (B) prediction
- (C) **predictable**
- (D) predictably

Tạm dịch: Bà Suto tuyên bố rằng các xu hướng thị trường quan trọng trở nên **có thể dự đoán** với việc sử dụng phân tích dữ liệu.

Phân tích: chọn câu C vì sau **become + adj** (tính từ), câu A, B, D loại vì lần lượt là động từ, danh từ và phó từ.

- (A) dự đoán
- (B) sự đoán
- (C) có thể dự đoán
- (D) một cách có dự đoán



113. One of Grommer Consulting's goals is to enhance the relationship ----- sales and their customers.

- (A) inside
- (B) within
- (C) around
- (D) between**

Tạm dịch: Một trong những mục tiêu cố vấn của Grommer là tăng cường mối quan hệ **giữa** nhân viên bán hàng và khách hàng của họ.

Phân tích: câu D là đáp án đúng vì **between** đi cùng với **and** (ở giữa sales và customers), do đó dễ hiểu khi ta phải loại những câu còn lại.

114. Depending on your answers to the survey, we ----- you to collect additional information.

- (A) may call**
- (B) are calling
- (C) have been called
- (D) must be calling

Tạm dịch: Tùy thuộc vào câu trả lời của bạn cho cuộc khảo sát, chúng tôi **có thể gọi bạn** để thu thập thêm thông tin.

Phân tích: Câu C sai vì mệnh đề này sau bị động không nên có tân ngữ (you), câu D dùng để nhấn mạnh hành động xảy ra trong tương lai, câu B sai vì chia hiện tại tiếp diễn ở ngữ cảnh này không phù hợp. Đáp án đúng là câu A, may (có thể), **chỉ khả năng xảy ra.**

115. ----- Jemburger opened its newest franchise, the first 100 customers were given free hamburgers.

- (A) Now
- (B) When**
- (C) As if
- (D) After all

Tạm dịch: **Khi** Jemburger mở nhượng quyền thương mại mới nhất, 100 khách hàng đầu tiên được tặng hamburger miễn phí.

Phân tích: Tại chỗ trống, ta cần một liên từ chỉ thời gian trong mệnh đề trạng ngữ chỉ thời gian của câu, vì vậy ta chọn “When”. Không chọn các từ còn lại vì khi ghép vào mệnh đề trước dấu phẩy thì mệnh đề này có thể đứng độc lập một mình được và không cần phụ thuộc vào mệnh đề chính.

116. Please include the serial number of your product in any ----- with the customer service department.

- (A) corresponds
- (B) correspondence**
- (C) correspondingly
- (D) correspondent

Tạm dịch: Vui lòng bao gồm số sê-ri sản phẩm của bạn trong bất cứ **thư từ** nào với bộ phận dịch vụ khách hàng.

Phân tích: Tại chỗ trống ta cần một danh từ, và ta có cụm “in correspondence with somebody: trong quan hệ thư từ với ai đó”. Mặc dù (D) correspondent cũng có chức năng danh từ (thông tin viên), nhưng không phù hợp về nghĩa khi đưa vào trong câu.



117. The award-winning film UnderWater Secrets promotes awareness----- ocean pollution and its effects on our planet.

- (A) of
- (B) to
- (C) from
- (D) with

Tạm dịch: Bộ phim giành giải thưởng UnderWater Secrets thúc đẩy nhận thức về ô nhiễm đại dương và ảnh hưởng của nó đến hành tinh của chúng ta.

Phân tích: to promote awareness + of + something: thúc đẩy nhận thức về cái gì đó.

118. BYF Company specializes in ----- promotional items to help companies advertise their brand.

- (A) personally
- (B) **personalized**
- (C) personality
- (D) personalizes

Tạm dịch: Công ty BYF chuyên về các mặt hàng quảng cáo **được cá nhân hóa** để giúp các công ty quảng cáo thương hiệu của họ.

Phân tích: Tại chỗ trống ta có thể điền một tính từ hoặc một trạng từ, nhưng ta không chọn (A) personally vì nó mang nghĩa “về phần tôi/ đối với tôi” là không thích hợp. Do đó, ta chọn (B) personalized (được cá nhân hóa)

119. ----- the rent increase is less than 2 percent, Selwin Electrical Supply will continue to lease the space.

- (A) **As long as**
- (B) Along with
- (C) Not only
- (D) Otherwise

Tạm dịch: **Miễn là** mức tăng tiền thuê chưa đến 2%, Selwin Electrical Supply sẽ tiếp tục cho thuê mặt bằng.

Phân tích: Mệnh đề đi trước dấu phẩy là mệnh đề phụ thuộc vào mệnh đề chính, as long as: miễn là. Không chọn (B) vì “along with + someone/ something/ V-ing” chứ không đi với mệnh đề, không chọn (C) vì “Not only” thì phải đảo ngữ. Không chọn (D) vì khi ghép vào mệnh đề trước dấu phẩy thì mệnh đề này có thể đứng độc lập một mình được và không cần phụ thuộc vào mệnh đề chính.

120. Belden Hospital's chief of staff meets regularly with the staff to ensure that procedures ----- correctly.

- (A) to be performed
- (B) would have performed
- (C) had been performed
- (D) **are being performed**

Tạm dịch: Giám đốc nhân viên của Bệnh viện Belden thường xuyên gặp gỡ các nhân viên để đảm bảo rằng các thủ tục **được thực hiện** chính xác.

Phân tích: Không chọn (A) vì ensure that + mệnh đề (S + V). Không chọn B vì tại chỗ trống ta cần thể bị động. Không chọn C vì trong câu chia ở thì hiện tại chứ không phải thì quá khứ.



121. Any requests for time off should be addressed to the ----- department supervisor.

- (A) urgent
- (B) appropriate**
- (C) subsequent
- (D) deliverable

Tạm dịch: Bất kỳ yêu cầu cho thời gian nghỉ nên được gửi đến người giám sát bộ phận **thích hợp**.

Phân tích: Tại chỗ trống cần tính từ, cả 4 câu đều là tính từ nhưng câu (B) appropriate department supervisor: người giám sát bộ phận thích hợp, là phù hợp nhất với nghĩa của câu.

122. World Fish Supply delivers the freshest fish possible thanks to innovative ----- and fivefold shipping methods.

- (A) preserves
- (B) preserved
- (C) preserve
- (D) preservation**

Tạm dịch: Nhà cung cấp cá thể giới cung cấp cá tươi nhất có thể nhờ các phương pháp **bảo quản** cải tiến và phương pháp vận chuyển gấp năm lần.

Phân tích: Tại chỗ trống ta cần một danh từ, chỉ có đáp án (D) là có danh từ.

123. Company executives are currently reviewing the annual budget ----- submitted to them by the Financial Planning department.

- (A) requirements**
- (B) deliveries
- (C) developers
- (D) qualities

Tạm dịch: Giám đốc điều hành công ty hiện đang xem xét các **yêu cầu** chi tiêu ngân sách hàng năm được nộp cho họ bởi bộ phận Kế hoạch Tài chính.

Phân tích: Chọn (A) annual budget requirements (các yêu cầu chi tiêu ngân sách hàng năm) vì phù hợp về nghĩa trong câu (Các quản lý điều hành đang xem xét các yêu cầu ngân sách hàng năm đã được nộp cho họ). Không chọn B (các phân phối), C (các nhà phát triển), D (các tính chất, đặc tính).

124. Even the CEO had to admit that Prasma Designs' win was ----- the result of fortunate timing.

- (A) parts
- (B) parted
- (C) partly**
- (D) parting

Tạm dịch: Ngay cả CEO cũng phải thừa nhận rằng chiến thắng của Prasma Design **một phần** là kết quả của sự định giờ may mắn.

Phân tích: Tại chỗ trống cần một trạng từ nên ta chọn (C) partly (một phần nào đó).

125. Mr. Singh took notes on ----- the focus group discussed during the morning session.

Phân tích: Câu đã cho có chứa mệnh đề quan hệ rút gọn "that" (that the focus group



- (A) each
- (B) several
- (C) another
- (D) everything**

Tạm dịch: Ông Singh đã ghi chép lại **tất cả mọi thứ** mà nhóm tập trung đã thảo luận trong phiên họp buổi sáng.

discussed ...) Tại chỗ trống ta cần một tân ngữ nên chọn D.

126. Last year, Tadaka Computer Solutions ranked third ----- in regional earnings.

- (A) together
- (B) overall**
- (C) consecutively
- (D) generally

Tạm dịch: Năm ngoái, Tadaka Computer Solutions xếp thứ ba toàn thể về **tổng** thu nhập trong khu vực.

Phân tích: Ta có cụm “rank first/ second/ third... overall” : xếp hạng nhất/ nhì/ ba ... toàn thể .

127. ----- the popularity of the BPT39 wireless speaker, production will be increased fivefold starting next month.

- (A) On behalf of
- (B) Whether
- (C) Moreover
- (D) As a result of**

Tạm dịch: Do sự phổ biến của loa không dây BPT39, sản lượng sẽ được tăng gấp năm lần kể từ tháng tới.

Phân tích: Ta cần một mệnh đề chỉ nguyên nhân ở trước dấu phẩy, ý chỉ mệnh đề sau là kết quả của mệnh đề trước dấu phẩy. Do đó, chọn (D) As a result of (Như là kết quả của việc .../ Do ...). As a result of = Because of.

128. Zypo Properties has just signed a lease agreement with the law firm ----- offices are on the third floor.

- (A) how
- (B) what
- (C) whose**
- (D) wherever

Tạm dịch: Zypo Properties vừa ký hợp đồng cho thuê với công ty luật có văn phòng ở tầng ba.

Phân tích: Ta có mệnh đề quan hệ chỉ sở hữu “whose office are on the third floor”. Cụ thể “... the law firm whose offices ...” có thể viết thành “... the law firm. Its offices are on the third floor.”

129. ----- events this year caused profits in the second and third quarters to differ significantly from original projections.

- (A) Total
- (B) Marginal
- (C) Representative
- (D) Unforeseen**

Phân tích: Ta chọn đáp án (D) unforeseen events (các sự kiện không được lường trước) vì nó phù hợp với nghĩa cả câu (Lợi nhuận khác biệt đáng kể so với các sự đoán ban đầu thì phải có cái gì đó không lường trước được phát sinh).



Tạm dịch: Các sự kiện **không lường trước** trong năm nay đã khiến lợi nhuận trong quý hai và ba khác biệt đáng kể so với dự đoán ban đầu.

130. The timeline for the pathway lighting project was extended to ----- input from the environmental commission.

- (A) use up
- (B) believe in
- (C) make into
- (D) allow for**

Tạm dịch: Dòng thời gian cho dự án chiếu sáng đường dẫn được kéo dài để **cho phép** đầu vào từ ủy ban môi trường.

Phân tích: Ta chọn D. allow for + something (cho phép cái gì đó) vì nó thích hợp với nghĩa cả câu (Thời gian cho dự án được kéo dài để nhằm cho phép đầu tư). Không chọn (A) use up (sử dụng hết), (B) believe in (tin tưởng vào) hay (C) make into (làm thành)

PART 6

With Global Strength Gym's 30-day trial period, you get the opportunity to try out our classes, equipment, and facilities.

131 _____. It's completely risk-free! To sign up, we require your contact information and payment details, but you will only be charged if you are a member for 132 _____ 30 days. If you decide within this time that you no longer want to be a member of Global Strength, 133 _____ visit our Web site at www.gsgym.com. On the Membership page, elect to 134 _____.: your membership and enter the necessary information. It's that easy!

131.

- (A) Throughout the trial, you pay nothing and sign no contract.**
- (B) Weight-lifting classes are not currently available.
- (C) A cash deposit is required when you sign up for membership.
- (D) All questions should be e-mailed to customerservice@gsgym.com.

132.

- (A) not even
- (B) almost
- (C) over**
- (D) less than

133.

- (A) justly**

Tạm dịch: Với thời gian dùng thử 30 ngày của Global Strength Gym, bạn có cơ hội dùng thử các lớp học, thiết bị và phương tiện của chúng tôi. **Trong suốt quá trình dùng thử, bạn không phải trả tiền và không ký hợp đồng.** Nó hoàn toàn không có rủi ro! Để đăng ký, chúng tôi yêu cầu thông tin liên lạc và chi tiết thanh toán của bạn, nhưng bạn sẽ chỉ bị tính phí nếu bạn là thành viên trong **hơn** 30 ngày. Nếu bạn quyết định trong thời gian này rằng bạn không còn muốn trở thành thành viên của Sức mạnh toàn cầu, **chỉ cần** truy cập trang web của chúng tôi tại www.gsgym.com. Trên trang Thành viên, chọn **hủy**: tư cách thành viên của bạn và nhập thông tin cần thiết. Thật là dễ dàng!

Phân tích: Câu trước và sau chỗ trống vẫn đang giới thiệu về “trial”, nên không chọn câu B và D vì 2 câu này đã nói sang việc khác. Không chọn câu C vì câu sau đó nói “you will only be charged if...”, tức là tại vị trí này thì không hề bị “charged” (tính phí). Như vậy câu A đúng vì thỏa mãn cả 2 điều kiện trên.

Phân tích: Ở các câu trên, chúng ta đã biết “30-day trial” thì “pay nothing”, và các câu A, B, D đều mang lại nghĩa “ít hơn” số ngày nói trên nên không chọn. Chỉ có câu C mang nghĩa “nhiều hơn”, nên năm ngoài “30-day”, nên câu C đúng.

Phân tích: Trong ngữ cảnh này, các câu A, C không mang nghĩa phù hợp để bổ sung cho động từ “visit”



- (B) regularly
(C) evenly
(D) simply

(justly – một cách công bằng; evenly – ngang bằng); câu B thì lại không phù hợp với nội dung phía sau (regularly – thường xuyên); chỉ có câu D là đúng.

134.

- (A) extend
(B) renew
(C) cancel
(D) initiate

Phân tích: Ở câu trước có nói: “you no longer want to be a member of...”, tức là “không muốn làm thành viên của...”, như vậy thì đối với mục “tư cách thành viên” thì phải được “bỏ đi” mới phù hợp với nội dung đó, nên câu C đúng.

As a Hanson-Roves employee, you are entitled to sick absences, during which you will be paid for time off work for health 135_____. To avoid deductions to your pay, you 136_____ to provide a physician-signed note as documentation of your illness. 137_____ should include the date you were seen by the doctor, a statement certifying that you are unable to perform the duties of your position, and your expected date of return. Your supervisor will then forward the documentation to Human Resources. 138_____. Employee health records can be accessed only by those with a valid business reason for reviewing them.

Tạm dịch: Là nhân viên của Hanson-Roves, bạn có quyền được nghỉ ốm, trong thời gian đó bạn sẽ được trả tiền cho thời gian nghỉ việc vì lý do sức khỏe. Để tránh các khoản khấu trừ vào tiền lương của bạn, bạn **được yêu cầu** cung cấp một ghi chú có chữ ký của bác sĩ làm tài liệu về bệnh của bạn. Nó nên bao gồm ngày bạn được bác sĩ nhìn thấy, một tuyên bố xác nhận rằng bạn không thể thực hiện các nhiệm vụ của vị trí của bạn và ngày trở lại dự kiến của bạn. Giám sát viên của bạn sau đó sẽ chuyển tiếp tài liệu đến Phòng Nhân sự. **Hanson-Roves đảm bảo quyền riêng tư của thông tin sức khỏe của bạn.** Chỉ có thể truy cập hồ sơ sức khỏe của nhân viên bởi những người có lý do kinh doanh hợp lệ để xem xét chúng.

135.

- (A) reasons**
(B) origins
(C) senses
(D) contributions

Phân tích: Xét về mặt nội dung, việc nghỉ làm phải là do một “lý do” nào đó (ở đây là health), vậy nên câu A là đáp án đúng.

136.

- (A) were required
(B) require
(C) are required
(D) are requiring

Phân tích: Do sau chỗ trống là “to V”, không có tân ngữ, nên cấu trúc ngữ pháp phải là “be required + to V”, nên loại câu B và D. Trạng ngữ trong câu đang ở thì hiện tại (to avoid), nên loại câu A, vậy câu C đúng.

137.

- (A) Those
(B) They
(C) I
(D) It

Phân tích: Câu sau đang nói về một sự vật ở câu trước, cụ thể là “a physician-signed note” là một danh từ số ít ngôi thứ 3, vậy nên câu D đúng.

138.

- (A) Hanson-Roves ensures the privacy of your health information.**
(B) Absences may be caused by a number of factors.

Phân tích: Ở câu sau đó có nói “can be accessed only by those with a valid business reason”, tức là đang nói về quyền hạn truy cập, mà quyền hạn truy cập thì liên quan tới tính riêng tư – “privacy”, vậy nên câu A đúng.



- (C) You should then explain why a physician's note is not available.
(D) Take note of the duties you were originally assigned.

<p>To: fcontini@attmail.com From: btakemoto@arolischems.co.uk Date: 15 July Subject: Your first day at Arolis Dear Mr. Contini, Welcome to Arolis Chemicals! Thank you for 139_____ the full-time, permanent position of laboratory assistant. We look forward to your arrival on 1 August in the Harris Building. Please report to the front desk and ask for Jack McNolan. He 140_____ you to the Human Resources office. There, you will obtain your employee badge 141_____ all documents necessary to start work. Note that because of its large size, the Leicester campus of Arolis can be difficult to navigate. Studying a campus map will help orient you to the location of the different buildings. 142_____. Should you have any questions, please do not hesitate to contact me. Sincerely, Brandon Takemoto HR Administrative Officer</p>	<p>Tạm dịch: Tôi: fcontini@attmail.com Từ: btakemoto@arolischems.co.uk Ngày: 15 tháng 7 Chủ đề: Ngày đầu tiên của bạn tại Arolis Kính gửi ông Contini Chào mừng bạn đến với Hóa chất Arolis! Cảm ơn bạn đã chấp nhận vị trí toàn thời gian, thường trực của trợ lý phòng thí nghiệm. Chúng tôi mong đợi bạn đến vào ngày 1 tháng 8 tại Tòa nhà Harris. Vui lòng báo cáo cho quầy lễ tân và yêu cầu Jack McNolan. Anh ấy sẽ đi cùng bạn đến văn phòng Nhân sự. Ở đó, bạn sẽ có được huy hiệu nhân viên cũng như tất cả các tài liệu cần thiết để bắt đầu công việc. Lưu ý rằng vì kích thước lớn, khuôn viên Arolis của Leicester có thể khó điều hướng. Nghiên cứu bản đồ khuôn viên sẽ giúp định hướng bạn đến vị trí của các tòa nhà khác nhau. Bạn có thể tải xuống từ trang web của chúng tôi. Nếu bạn có bất kỳ câu hỏi nào, xin vui lòng liên hệ với tôi. Trân trọng, Brandon Takemoto Nhân viên hành chính nhân sự</p>
<p>139. (A) offering (B) accepting (C) discussing (D) advertising</p>	<p>Phân tích: Câu trước đã nói “Welcome to...” tức là nhận vật chính đã được vào vị trí đó (trong câu có đề cập tới “position”). Như vậy câu A, C và D không đúng về mặt nội dung, chỉ có câu B đúng.</p>
<p>140. (A) accompany (B) did accompany (C) accompanies (D) will accompany</p>	<p>Phân tích: Câu trước đã nói “look forward to” tức là một sự kiện trong tương lai, mà sự kiện trong câu này lại xảy ra sau sự kiện đó, vậy nên chắc chắn nó phải ở thì tương lai, vậy nên câu D đúng.</p>
<p>141. (A) too (B) also (C) as well as (D) additionally</p>	<p>Phân tích: Trong chỗ trống chúng ta cần một giới từ nối trực tiếp hai bộ phận tương đồng nhau (cụ thể là hai danh từ) và nằm ở giữa câu, chỉ có câu C là đáp án đúng.</p>



142.

- (A) Please sign all the documents.
(B) I will provide you with a replacement.
(C) Construction will be completed next year.
(D) **You can download one from our Web site.**

Phân tích: Ở câu trước đang nói về “a campus map”, chỉ có câu D là có nội dung liên quan tới nó, nên câu D là đáp án đúng.

(18 April)-MKZ Foods, Inc., the region's largest exporter of pecans, expects its outgoing shipments to increase significantly over the next few months. This 143_____ is based on the fact that the region's pecan farmers expanded their land area by 20 percent last year. According to spokesperson Katharina Seiler, MKZ's exports could reach a colossal 50,000 metric tons this year. 144_____. MKZ buys most of the yield from the region's pecan farms and processes it 145_____ export throughout the world. "The availability of new land for 146_____ in the region is creating opportunities for growth," said Ms. Seiler. "I believe MKZ is going to have a truly outstanding year."

Tạm dịch: (18 Tháng Tư) – Tập đoàn thực phẩm MKZ, nhà xuất khẩu hồ đào lớn nhất khu vực, hy vọng các lô hàng đi của mình sẽ tăng đáng kể trong vài tháng tới. **Dự báo** này dựa trên thực tế là nông dân hồ đào của khu vực đã mở rộng diện tích đất của họ thêm 20% vào năm ngoái. Theo người phát ngôn Katharina Seiler, xuất khẩu của MKZ có thể đạt tới con số khổng lồ 50.000 tấn trong năm nay. **Một con số như vậy là chưa từng có trong lịch sử của công ty.**

MKZ mua phần lớn sản lượng từ các trang trại hồ đào của khu vực và chế biến nó để xuất khẩu trên toàn thế giới. "Sự sẵn có của đất mới để **canh tác** trong khu vực đang tạo ra cơ hội phát triển", bà Seiler nói. "Tôi tin MKZ sẽ có một năm thực sự nổi bật."

143.

- (A) cost
(B) delay
(C) decision
(D) **forecast**

Phân tích: Câu trước có nhắc tới “the next few month”, tức là đang nói đến tương lai, mà động từ ở câu trước là “expect” – trông đợi. Danh từ phù hợp với động từ nói trên trong 4 đáp án là “forecast” – dự đoán, vậy nên câu D đúng.

144.

- (A) **Such a figure is unprecedented in the company's history.**
(B) Moreover, Ms. Seiler holds an advanced degree in economics.
(C) Pecans are high in vitamins and minerals.
(D) Still, MKZ shares have been profitable in recent years.

Phân tích: Câu trước đang nói đến “MKZ's exports” – số lượng xuất khẩu, đáp án B, C và D có nội dung không liên quan nên loại bỏ, vậy nên câu A đúng.

145.

- (A) on
(B) **for**
(C) in
(D) by

Phân tích: Trong chỗ trống chúng ta cần một giới từ đi với động từ “process” và liên kết tới một động từ khác đang ở dạng nguyên mẫu. Chúng ta có cấu trúc “process + to V”, vậy nên B là đáp án đúng.



146.

- (A) **farming**
- (B) farmer
- (C) farmed
- (D) farm

Phân tích: Trong chỗ trống chúng ta cần một danh từ, vậy nên loại câu B và D. Xét về mặt nội dung, câu C - “nông dân” không phải là ý nhân vật muốn nhắc tới, nên câu A là đáp án đúng.

PART 7

Chatia Brown [3:32 P.M.]

Hi, Ziva. I just met with the Han board of directors, and they're interested in our redesign proposal for their downtown office buildings. Amy Han asked for another work sample, but I didn't have the right portfolio with me. I'm heading to another meeting, so please have a messenger deliver a copy of the Grainger Centre files to her. Include the full set of plans. Thanks!

Chatia Brown [3:32 PM]

Xin chào, Ziva. Tôi vừa gặp ban giám đốc Han và họ quan tâm đến đề xuất tái thiết kế của chúng ta cho các tòa nhà văn phòng ở trung tâm thành phố. Amy Han đã yêu cầu một thiết kế mẫu khác, nhưng tôi không có đem theo bộ danh mục phù hợp với yêu cầu. Tôi đang đi đến một cuộc họp khác, vì vậy xin hãy nhờ một người đưa tin gửi một bản sao của các tập tin về Trung tâm Grainger cho cô ấy. Hãy bao gồm đầy đủ các kế hoạch. Cảm ơn!

147. Where does Ms. Brown most likely work?

- (A) At an accounting firm
- (B) **At an architectural firm**
- (C) At a Web design company
- (D) At a market research company

Cô Brown nói về “đề xuất tái thiết kế của chúng ta cho các tòa nhà văn phòng” (our **redesign proposal** for ... **office buildings**), nên rất có thể cô đang làm việc tại một công ty kiến trúc (**architectural firm**), ngoài ra các đáp án còn lại không xác thực, nên câu B là đáp án đúng.

147. Cô Brown có khả năng làm việc ở đâu?

- (A) Tại một công ty kế toán
- (B) **Tại một công ty kiến trúc**
- (C) Tại một công ty thiết kế web
- (D) Tại một công ty nghiên cứu thị trường

148. What is Ziva asked to do?

- (A) Reply to a text message
- (B) Create a portfolio
- (C) Set up a meeting
- (D) **Send a work sample**

Cô Brown nói rằng “Amy Han đã yêu cầu một thiết kế mẫu khác, nhưng tôi không có đem theo bộ danh mục phù hợp với yêu cầu” (Amy Han asked for **another work sample**, but I didn't have the right portfolio with me), nên cô đã yêu cầu Ziva “nhờ một người đưa tin gửi một bản sao của các tập tin...” (have a messenger **deliver a copy of the** Grainger Centre **files**...), đồng nghĩa với việc gửi thiết kế mẫu (**send a work sample**), nên câu D là đáp án đúng.

148. Ziva được yêu cầu làm gì?

- (A) Trả lời tin nhắn văn bản
- (B) Tạo một danh mục
- (C) Thiết lập một cuộc họp
- (D) **Gửi thiết kế mẫu**

To: Oak Lane Fashion cashiers

From: Jane Benson

Date: July 8

Subject: Update

Kính gửi: Các nhân viên thu ngân của thời trang Oak Lane

Từ: Jane Benson

Ngày 8 tháng 7

Chủ đề: Cập nhật



Beginning August 1, Oak Lane Fashion will only accept returns or exchanges of unworn and undamaged clothing that has the original receipt.

This information will be posted at all checkout counters by next week. We will also send an e-mail to our existing customers so that they are aware of the new rule. If a customer wishes to make a return without a receipt, please call the manager on duty for assistance. Thanks for your help.

Jane Benson
Director of Operations

Bắt đầu từ ngày 1 tháng 8, Oak Lane Fashion sẽ chỉ chấp nhận trả lại hoặc trao đổi quần áo không bị sờn và không bị hư hại có hóa đơn gốc.

Thông tin này sẽ được đăng tại tất cả các quầy thanh toán vào tuần tới. Chúng tôi cũng sẽ gửi e-mail cho khách hàng hiện tại của mình để họ biết về quy tắc mới. Nếu khách hàng muốn trả lại hàng mà không có biên nhận, xin vui lòng gọi cho người quản lý đang trực để được hỗ trợ. Cảm ơn các bạn đã giúp đỡ.

Jane Benson
Giám đốc điều hành

149. What is the purpose of the e-mail?

- (A) To request a sales report
- (B) To announce a new policy**
- (C) To discuss a fashion trend
- (D) To describe an upcoming sale

Việc “chỉ chấp nhận trả lại hoặc trao đổi quần áo không bị sờn và không bị hư hại có hóa đơn gốc” chính là một chính sách mới (**new policy**), nên câu B là đáp án đúng.

150. According to the e-mail, what will managers do?

- (A) Decide how to display new merchandise
- (B) Train staff to use the cash register
- (C) Help customers with special requests**
- (D) Decide what items get price discounts

E-mail viết rằng “Nếu khách hàng muốn trả lại hàng mà không có biên nhận, xin vui lòng gọi cho người quản lý đang trực để được hỗ trợ” (If a customer wishes to make a return without a receipt, please **call the manager** on duty for assistance), trong đó việc “muốn trả lại hàng mà không có biên nhận” chính là một yêu cầu đặc biệt (**special request**), nên câu C là đáp án đúng.

149. Mục đích của e-mail là gì?

- (A) Đề yêu cầu báo cáo bán hàng
- (B) Để công bố chính sách mới**
- (C) Để thảo luận về một xu hướng thời trang
- (D) Để mô tả một đợt giảm giá sắp tới

150. Theo e-mail, những người quản lý sẽ làm gì?

- (A) Quyết định cách hiển thị hàng hóa mới
- (B) Đào tạo nhân viên sử dụng máy tính tiền
- (C) Giúp khách hàng với các yêu cầu đặc biệt**
- (D) Quyết định những mặt hàng được giảm giá

Carmont Media's Culture

At Carmont Media, our work culture is mission driven. We hire people who share a common goal of enriching listeners' minds through engaging and truthful news stories. We also actively recruit a diverse staff to reflect our Trinidadian and Tobagonian audiences. Carmont Media's diversity contributes to its Star teams. These teams, composed of workers from all levels of the organization, meet regularly to hold brainstorming sessions aimed at improving efficiency and productivity. Carmont Media offers opportunities for professional advancement and encourages work-life balance.

Văn hóa truyền thông của Carmont

Tại Công ty Truyền thông Carmont, văn hóa làm việc của chúng tôi là hướng đến những sứ mệnh. Chúng tôi tuyển những người có chung mục tiêu làm phong phú tâm trí người nghe thông qua những câu chuyện tin tức hấp dẫn và trung thực. Chúng tôi cũng tích cực tuyển dụng một đội ngũ nhân viên đa dạng để phù hợp với khán giả Trinidad và Tobago. Sự đa dạng của Truyền thông Carmont đóng góp rất nhiều cho các nhóm Ngôi sao. Các nhóm này, bao gồm các nhân viên từ tất cả các cấp của tổ chức, thường xuyên gặp gỡ để tổ chức các buổi suy nghĩ động não nhằm cải thiện hiệu quả và năng suất. Carmont Media



	mang đến cơ hội thăng tiến nghề nghiệp và khuyến khích cân bằng sống và làm.
151. What is mentioned about Carmont Media's employees? (A) They get experience in various departments. (B) They enjoy working for the organization. (C) They come from a variety of backgrounds. (D) They are recruited through a staffing agency.	151. Những gì được đề cập về nhân viên của Công ty Carmont? (A) Họ có được kinh nghiệm trong các phòng ban khác nhau. (B) Họ thích làm việc cho tổ chức. (C) Họ có nhiều xuất thân đa dạng. (D) Họ được tuyển dụng thông qua một cơ quan nhân sự.

Ta thấy câu “Chúng tôi cũng tích cực tuyển dụng một đội ngũ nhân viên đa dạng” (We also actively recruit a diverse staff) và câu tiếp theo “Sự đa dạng của Truyền thông Carmont ...” (Carmont Media's diversity...) đều nhấn mạnh về việc nhân viên của công ty có nhiều xuất thân đa dạng (**come from a variety of backgrounds**), nên câu C là đáp án đúng.

152. What is a purpose of Carmont Media's Star teams? (A) Seeking new employees (B) Raising funds for projects (C) Promoting work-life balance (D) Finding creative solutions	152. Mục đích của các đội Ngôi sao trong Công ty Carmont là gì? (A) Tìm kiếm nhân viên mới (B) Gây quỹ cho các dự án (C) Thúc đẩy cân bằng sống và làm (D) Tìm giải pháp sáng tạo
--	--

Ta thấy câu “Các nhóm này.... thường xuyên gặp gỡ để tổ chức các buổi suy nghĩ động não nhằm cải thiện hiệu quả và năng suất” (These teams....meet regularly to hold brainstorming sessions aimed at improving efficiency and productivity), trong đó các “buổi suy nghĩ động não” chính là nơi để tìm các giải pháp sáng tạo (**creative solutions**) cho việc “cải thiện hiệu quả và năng suất”, nên câu D là đáp án đúng.

Louisa Santos 9:30 A.M. Kenji, where are you? The job candidates are here. Kenji Muro 9:31 A.M. Sorry! The bridge is closed. My bus had to take a detour. I should be there in 30 minutes. Please start without me. Louisa Santos 9:34A.M. OK. I'm going to interview Elena Crenshaw first. Kenji Muro 9:34 A.M. Good. She's the one with experience at another T-shirt company. Louisa Santos 9:35 A.M. Yes. Can you believe our small company has grown so much that we need to hire someone just to process orders? Kenji Muro 9:36 A.M. I know! OK. I'll see you soon.	Louisa Santos 9:30 A.M. Kenji, anh ở đâu? Các ứng cử viên đã tới rồi đây. Kenji Muro 9:31 A.M. Tôi xin lỗi! Cây cầu đã đóng cửa. Xe buýt của tôi đã phải đi đường vòng. Tôi sẽ có mặt trong 30 phút. Hãy bắt đầu mà không có tôi. Louisa Santos 9:34 A.M. Ok. Tôi sẽ phỏng vấn Elena Crenshaw trước. Kenji Muro 9:34 A.M. Tốt. Cô ấy là người có kinh nghiệm ở một công ty áo phông khác. Louisa Santos 9:35 A.M. Vâng. Anh có thể tin rằng công ty nhỏ của chúng ta đã phát triển đến mức ta cần phải thuê một ai đó chỉ để xử lý các đơn đặt hàng không? Kenji Muro 9:36 A.M. Tôi biết! Ok. Lát nữa tôi sẽ gặp cô.
---	---

153. What does Mr. Muro want Ms. Santos to do?

153. Anh Muro muốn cô Santos làm gì?
(A) Xử lý một số đơn đặt hàng



- (A) Process some orders
- (B) Make a hiring decision
- (C) Reschedule a meeting
- (D) Talk to a job candidate**

Anh Muro nói với cô Santos rằng “Hãy bắt đầu mà không có tôi”, và cô Santos nói rằng “Tôi sẽ phỏng vấn Elena Crenshaw trước”, đồng nghĩa với việc cô ấy sẽ nói chuyện với một ứng viên (**talk to a job candidate**), nên câu D là đáp án đúng.

154. At 9:36 A.M., what does Mr. Muro mean when he writes, “I know”?

- (A) He is also surprised by the company’s growth.**
- (B) He thinks salaries should be higher.
- (C) He has met Ms. Crenshaw before.
- (D) He is certain his bus will arrive in 30 minutes.

Cô Santos đã nói rằng “Anh có thể tin rằng công ty nhỏ của chúng ta đã phát triển đến mức ta cần phải thuê một ai đó chỉ để xử lý các đơn đặt hàng không” để thể hiện sự ngạc nhiên của mình khi nhận ra công ty của cô đã phát triển, và anh Muro đáp lại rằng “Tôi biết” nhằm đồng tính với ý kiến đó, nên câu A là đáp án đúng.

- (B) Đưa ra quyết định tuyển dụng
- (C) Sắp xếp lại một cuộc họp
- (D) Nói chuyện với một ứng viên**

154. Vào lúc 9:36 A.M., anh Muro có ý gì khi viết, “Tôi biết”?

- (A) Anh ấy cũng ngạc nhiên trước sự phát triển của công ty.**
- (B) Anh ấy nghĩ mức lương nên cao hơn.
- (C) Anh ấy đã gặp cô Crenshaw trước đây.
- (D) Anh ấy chắc chắn xe buýt của mình sẽ đến sau 30 phút.

Mark Chandler is Back!

The Administrative Services Division welcomes back to headquarters Associate Director Mark Chandler. — [1]—. Mark spent the last month in Ottawa attending an advanced training session about corporate information security. Corporate-security training allows a company to safeguard its sensitive, confidential, and proprietary information.

Mark is among a growing number of corporate executives who have successfully graduated from this rigorous course. — [2]—. A member of the National Organization of Corporate Security Officers (NOC SO), Mark was formally recognized by the organization for his part in developing software that keeps electronic documents safe. — [3]—. Well done, Mark! — [4]—.

155. What is the purpose of the article?

- (A) To recognize an employee’s accomplishments**
- (B) To introduce a new staff member
- (C) To clarify what information is considered confidential
- (D) To describe the challenges of corporate security

Ta thấy câu “Mark ... đã tốt nghiệp thành công khóa học khắt khe này” (Mark ... have successfully graduated from this rigorous course), và bài viết này có mục đích chào mừng anh trở về và chúc mừng thành tích (**accomplishments**) của anh, nên câu A là đáp án đúng.

Mark Chandler đã trở lại!

Bộ phận Dịch vụ Hành chính xin chào mừng sự trở lại trụ sở của Phó Giám đốc Mark Chandler. - [1] -. Mark đã dành tháng cuối cùng tại Ottawa để tham dự một khóa đào tạo nâng cao về bảo mật thông tin của công ty. Đào tạo bảo mật doanh nghiệp cho phép một công ty bảo vệ thông tin nhạy cảm, bí mật và độc quyền của mình.

Mark là một trong số ngày càng nhiều các giám đốc của công ty đã tốt nghiệp thành công khóa học khắt khe này. - [2] -. Là một thành viên của Tổ chức Quốc gia Các nhà quản lý an ninh doanh nghiệp (NOC SO), Mark được chính thức công nhận bởi tổ chức nhờ đóng góp của mình trong việc phát triển phần mềm giữ tài liệu điện tử an toàn. - [3] -. Làm tốt lắm, Mark! - [4] -.

155. Mục đích của bài viết là gì?

- (A) Để công nhận thành tích của một nhân viên**
- (B) Giới thiệu một nhân viên mới
- (C) Để làm rõ những thông tin được coi là bí mật
- (D) Để mô tả những thách thức của an ninh công ty



156. How did Mr. Chandler improve corporate security?

- (A) He trained his company's security officers.
(B) **He helped design a system for securely storing documents.**
(C) He assisted in developing new safety guidelines.
(D) He recruited employees who specialize in corporate security.

Ta thấy câu "Mark được chính thức công nhận bởi tổ chức nhờ đóng góp của mình trong việc phát triển phần mềm giữ tài liệu điện tử an toàn" (Mark was formally recognized by the organization for his part in developing software that keeps electronic documents safe), nên câu B là đáp án đúng.

157. In which of the positions marked [1], [2], [3] and [4] does the following sentence best belong?

"The training included 60 hours of instruction and a comprehensive written exam."

- (A) [1]
(B) **[2]**
(C) [3]
(D) [4]

Câu trên nói về "Khóa tập huấn" (The training), nên chúng ta phải tìm từ đồng nghĩa hay gần nghĩa với nó ở câu liền trước của mỗi vị trí được đánh dấu. Ta thấy câu trước vị trí số hai [2] có đề cập tới "khóa học khắt khe này" (this rigorous course), trong đó "course" gần nghĩa với "training", nên câu B là đáp án đúng.

156. Làm thế nào anh Chandler đã cải thiện an ninh công ty?

- (A) Anh ấy đã đào tạo nhân viên an ninh của công ty mình.
(B) **Anh ấy đã giúp thiết kế một hệ thống lưu trữ tài liệu một cách an toàn.**
(C) Anh ấy đã hỗ trợ phát triển các hướng dẫn an toàn mới.
(D) Anh ấy đã tuyển dụng những nhân viên chuyên về bảo mật doanh nghiệp.

157. Trong các vị trí được đánh dấu [1], [2], [3] và [4] thì vị trí nào câu sau đây nên được điền vào?

"Khóa tập huấn bao gồm 60 giờ hướng dẫn và bài kiểm tra viết toàn diện".

- (A) [1]
(B) **[2]**
(C) [3]
(D) [4]

Congratulations on purchasing Megagroome, the world's finest rechargeable shaver! To keep your shaver in top condition, clean your shaver weekly by running it under hot water. Once a month, disassemble the shaver and clean the internal portion thoroughly as shown in the owner's manual. The shaving heads should be replaced every year with the replacement parts listed in the manual.

The Megagroome shaver has a lithium ion battery that should last for several years. Please charge the shaver as often as needed. It is not necessary to fully discharge the battery before recharging it. Use only the included charger, because use of any other charger may void the warranty. Complete instructions and details can be found in the owner's manual.

Chúc mừng bạn đã mua Megagroome, máy cạo râu tốt nhất thế giới! Để giữ cho máy cạo râu của bạn luôn trong tình trạng tốt nhất, hãy làm sạch máy cạo râu của bạn hàng tuần bằng cách chạy nó dưới nước nóng. Mỗi tháng một lần, tháo rời máy cạo râu và làm sạch phần bên trong một cách triệt để như trong hướng dẫn sử dụng. Đầu cạo phải được thay thế hàng năm bằng các bộ phận thay thế được liệt kê trong hướng dẫn.

Máy cạo râu Megagroome có pin lithium ion sẽ tồn tại trong vài năm. Vui lòng sạc máy cạo râu thường xuyên khi cần thiết. Không cần thiết phải xả hết pin trước khi sạc lại. Chỉ sử dụng bộ sạc đi kèm, bởi vì việc sử dụng bất kỳ bộ sạc nào khác có thể làm mất hiệu lực bảo hành. Hướng dẫn đầy đủ và chi tiết có thể được tìm thấy trong hướng dẫn sử dụng.

158. Where would the card most likely be found?

- (A) **Inside a box with a product**
(B) On a bulletin board

158. Thẻ hướng dẫn này có thể được tìm thấy ở đâu?

- (A) **Bên trong hộp có sản phẩm**



- (C) In a product display at a store
(D) In the pages of a magazine

- (B) Trên bảng thông báo
(C) Trong một màn hình sản phẩm tại một cửa hàng
(D) Trong các trang của một tạp chí

Ta thấy câu đầu tiên nói rằng “Chúc mừng bạn đã mua Megagroome, máy cạo râu...”, vậy suy ra đây chính là thẻ hướng dẫn sử dụng của máy này, và nó thường được để trong hộp sản phẩm (**product box**) khi mua, nên câu A là đáp án đúng.

159. How often should the shaver be taken apart? 159. Bao lâu thì nên tháo máy cạo râu?

- (A) Daily
(B) Weekly
(C) **Monthly**
(D) Annually

- (A) Hằng ngày
(B) Hàng tuần
(C) **Hàng tháng**
(D) Hàng năm

Ta thấy câu “Mỗi tháng một lần, tháo rời máy cạo râu...” (***Once a month***, disassemble the shaver), trong đó “once a month” đồng nghĩa với “**monthly**”, nên câu C là đáp án đúng.

160. What is indicated about the shaver’s battery?

- (A) It must run out before charging.
(B) **It may be charged whenever necessary.**
(C) It is able to hold a charge for a week.
(D) It will work with different chargers.

160. Trong thẻ nói gì về pin của máy cạo râu?

- (A) Nó phải hết trước khi sạc.
(B) **Nó có thể được sạc bất cứ khi nào cần thiết.**
(C) Nó có thể giữ năng lượng trong một tuần.
(D) Nó sẽ hoạt động với các bộ sạc khác nhau.

Ta thấy câu “Vui lòng sạc máy cạo râu thường xuyên khi cần thiết” (Please ***charge*** the ***shaver as often as needed***), nên câu B là đáp án đúng.

A Museum of Cross-Cultural History and Artifacts

We are proud to announce our newest exhibit:
South American Art.

The exhibit will open on 7 June as part of the museum’s ongoing Arts Around the World programme. All museum patrons who have paid the museum entrance fee may view the exhibit. It will feature historical and contemporary artwork displays from renowned South American artists.

The curator of the six-week exhibition, Julio Carrera, will bring his vast expertise to the museum. Before joining the museum’s management in March of this year, Mr. Carrera was the curator for the Brazilian Institute of the Arts for six years and spent three years studying ancient artifacts for the Centro de la Historia del Arte, an art preservation centre in Venezuela.

The *South American Art* exhibit will include paintings, sculptures, crafting tools, clothing,

Bảo tàng Lịch sử và Hiện vật Đa văn hóa

Chúng tôi tự hào công bố triển lãm mới nhất của chúng tôi: *Nghệ thuật Nam Mỹ*.

Triển lãm sẽ khai mạc vào ngày 7 tháng 6 như một phần của chương trình Nghệ thuật Vòng quanh Thế giới đang diễn ra của bảo tàng. Tất cả các khách hàng bảo tàng đã trả phí vào cửa bảo tàng đều có thể xem Triển lãm. Nó sẽ đi cùng với việc trưng bày các tác phẩm nghệ thuật lịch sử và đương đại từ các nghệ sĩ Nam Mỹ nổi tiếng.

Người phụ trách triển lãm sáu tuần, Julio Carrera, sẽ mang lại kinh nghiệm rộng lớn của anh ấy để bảo tàng. Trước khi tham gia quản lý bảo tàng vào tháng 3 năm nay, anh Carrera là người phụ trách Viện Nghệ thuật Brazil trong sáu năm và dành ba năm để nghiên cứu các cổ vật cho Centro de la Historia del Arte, một trung tâm nghệ thuật ở Venezuela.

Triển lãm *Nghệ thuật Nam Mỹ* sẽ bao gồm những bức tranh, tác phẩm điêu khắc, công cụ lao động, quần áo, đồ trang sức, tranh tường, và đồ gốm đất



<p>jewelry, murals, and clay pottery from six South American countries. Visiting artists from these countries will provide art workshops on select dates in July. The cost for each workshop is £10 in addition to the regular admission fee and includes basic art supplies.</p>	<p>sét từ sáu quốc gia Nam Mỹ. Nghệ sĩ tham gia từ các quốc gia này sẽ cung cấp các hội thảo nghệ thuật vào các ngày được chọn trong tháng Bảy. Chi phí cho mỗi hội thảo là £10 ngoài phí vào cổng thông thường và bao gồm các vật dụng nghệ thuật cơ bản.</p>
<p>161. What is indicated about the South American Art exhibit? (A) It is the first exhibit in the Arts Around the World program. (B) It will be on display only through the end of June. (C) It includes both old and new art. (D) It focuses on wall hangings and murals. Ta thấy câu “Nó sẽ đi cùng với việc trưng bày các tác phẩm nghệ thuật lịch sử và đương đại...” (It will feature <u>historical and contemporary artwork</u>...), trong đó “nghệ thuật lịch sử và đương đại” (historical and contemporary artwork) chính là “nghệ thuật cũ và mới” (old and new art), nên câu C là đáp án đúng.</p>	<p>161. Những gì được nói đến về triển lãm nghệ thuật Nam Mỹ? (A) Đây là triển lãm đầu tiên trong chương trình Nghệ thuật Vòng quanh Thế giới. (B) Nó sẽ được triển lãm chỉ đến cuối tháng sáu. (C) Nó bao gồm cả nghệ thuật cũ và mới. (D) Nó tập trung vào đồ treo tường và tranh tường. Ta thấy câu “Nó sẽ đi cùng với việc trưng bày các tác phẩm nghệ thuật lịch sử và đương đại...” (It will feature <u>historical and contemporary artwork</u>...), trong đó “nghệ thuật lịch sử và đương đại” (historical and contemporary artwork) chính là “nghệ thuật cũ và mới” (old and new art), nên câu C là đáp án đúng.</p>
<p>162. Who is Mr. Carrera? (A) A visiting artist (B) An art journalist (C) A volunteer tour guide (D) A museum employee Anh Carrera được đề cập đến như “người phụ trách triển lãm” (the curator of the ... exhibition) và là người “tham gia quản lý bảo tàng” (joining the museum’s management), nên có thể suy ra anh ta là nhân viên của bảo tàng (museum employee), vậy câu D là đáp án đúng.</p>	<p>162. Anh Carrera là ai? (A) Một nghệ sĩ tham gia (B) Một nhà báo nghệ thuật (C) Một hướng dẫn viên tình nguyện (D) Một nhân viên bảo tàng Anh Carrera được đề cập đến như “người phụ trách triển lãm” (the curator of the ... exhibition) và là người “tham gia quản lý bảo tàng” (joining the museum’s management), nên có thể suy ra anh ta là nhân viên của bảo tàng (museum employee), vậy câu D là đáp án đúng.</p>
<p>163. According to the Web page, what can museum patrons do for an extra fee? (A) Watch a video on South America (B) Attend an art class (C) Explore a new exhibit (D) Sponsor an upcoming exhibit Ta thấy câu “Chi phí cho mỗi hội thảo là £10 ngoài phí vào cổng thông thường” (The <u>cost for each workshop is £10</u> in addition to the regular admission fee), nghĩa là những người trả thêm phí sẽ được dự một lớp về nghệ thuật (art class), nên câu B là đáp án đúng.</p>	<p>163. Theo trang web, khách quen của bảo tàng sẽ được làm gì khi trả thêm phí? (A) Xem video về Nam Mỹ (B) Tham dự một lớp học về nghệ thuật (C) Khám phá một triển lãm mới (D) Tài trợ một cuộc triển lãm sắp tới Ta thấy câu “Chi phí cho mỗi hội thảo là £10 ngoài phí vào cổng thông thường” (The <u>cost for each workshop is £10</u> in addition to the regular admission fee), nghĩa là những người trả thêm phí sẽ được dự một lớp về nghệ thuật (art class), nên câu B là đáp án đúng.</p>

<p>Oliver Koh (10:15 A.M.) Hi, Aaron and Denise. Do you know if a package has arrived for me? I was supposed to get a delivery of some documents today, but maybe they were sent to someone else by mistake. It’s from Schrantz Farm Organics and should be labeled urgent. Aaron Koskinen (10:17 A.M.)</p>	<p>Oliver Koh (10:15 A.M.) Xin chào, Aaron và Denise. Các bạn có biết về một gói hàng được đưa đến cho tôi không? Tôi đáng lẽ đã được giao một số tài liệu ngày hôm nay, nhưng có lẽ chúng đã bị gửi lộn cho người khác. Nó đến từ Trang trại hữu cơ Schrantz và nên được dán nhãn khẩn cấp. Aaron Koskinen (10:17 A.M.)</p>
---	--



There's nothing for you here at the front desk. You might want to check with the print shop on the ground floor.

Denise Matova (10:18 A.M.)

There's a package from Schrantz Farm Organics here in the mail room, but there's no name on it.

Oliver Koh (10:18 A.M.)

That must be the one for me. Could you please look at the delivery slip again?

Denise Matova (10:19 A.M.)

Sorry, it does have your name on it. It was so small I didn't notice it.

Oliver Koh (10:20 A.M.)

Great! Could you have the package sent up to my office please?

Denise Matova (10:20 A.M.)

No problem. I'm going upstairs in a minute anyway.

Oliver Koh (10:21 A.M.)

OK, thanks for your help.

Không có gì cho bạn ở đây tại quầy lễ tân. Anh có thể muốn kiểm tra với cửa hàng in ở tầng trệt.

Denise Matova (10:18 A.M.)

Có một gói từ Trang trại hữu cơ Schrantz ở đây trong phòng thư, nhưng không có tên trên đó.

Oliver Koh (10:18 AM)

Đó chắc hẳn là cái cho tôi. Cô có thể vui lòng nhìn vào phiếu giao hàng một lần nữa không?

Denise Matova (10:19 A.M.)

Ôi xin lỗi, nó có tên của anh trên đó. Nó quá nhỏ nên tôi không thấy được.

Oliver Koh (10:20 A.M.)

Tuyệt quá! Cô có thể gửi gói đó đến văn phòng của tôi được không ạ?

Denise Matova (10:20 A.M.)

Không vấn đề gì. Dù sao thì tôi cũng sẽ lên lầu một phút.

Oliver Koh (10:21 A.M.)

Được rồi, cảm ơn sự giúp đỡ của cô.

164. Why did Mr. Koh start the online chat discussion?

- (A) He received a damaged package.
- (B) He has a meeting with a client soon.
- (C) **He is expecting some important documents.**
- (D) He delivered a shipment to the wrong person.

Anh Koh nói rằng "Tôi đáng lẽ đã được giao một số tài liệu ngày hôm nay" (I was supposed to get a delivery of some documents today), đồng nghĩa với việc anh ấy đang mong đợi (**expect**) chúng, nên câu C là đáp án đúng.

165. What does Mr. Koskinen recommend doing?

- (A) Calling Schrantz Farm Organics
- (B) Changing a meeting place
- (C) Going to the front desk
- (D) **Checking a different location**

Anh Koskinen gợi ý anh Koh rằng "Anh có thể muốn kiểm tra với cửa hàng in ở tầng trệt" (You might want to check with the print shop on the ground floor), đồng nghĩa với việc kiểm tra 1 nơi khác (**check a different location**), nên câu D là đáp án đúng.

164. Tại sao anh Koh bắt đầu cuộc trò chuyện trực tuyến?

- (A) Anh ấy đã nhận được một gói hàng bị hư hỏng.
- (B) Anh ấy có một cuộc họp với khách hàng sớm.
- (C) **Anh ấy đang mong đợi một số tài liệu quan trọng.**
- (D) Anh ta giao một lô hàng cho nhầm người.

165. Anh Koskinen khuyên nên làm gì?

- (A) Gọi Trang trại hữu cơ Schrantz
- (B) Thay đổi địa điểm họp
- (C) Đi đến quầy lễ tân
- (D) **Kiểm tra một nơi khác**



166. At 10:19 A.M., what does Ms. Matova most likely mean when she writes, "Sorry"?

- (A) She misplaced a delivery slip.
- (B) She arrived late to work today.
- (C) She would like Mr. Koh to repeat his instructions.

(D) She made a mistake reading a label.

Trước đó, cô Matova nói rằng "Có một gói từ Trang trại hữu cơ Schrantz ở đây trong phòng thư, nhưng không có tên trên đó", nhưng sau khi xem lại thì cô ấy đã thấy tên của anh Koh (nó có tên của anh trên đó), nên cô ấy xin lỗi vì sự nhầm lẫn (**mistake**) của mình khi đọc nhãn tên (**label**) đó, vậy câu D là đáp án đúng.

167. What will Ms. Matova probably do with the package?

- (A) Take it to Mr. Koh**
- (B) Send it out by express mail
- (C) Leave it at the front desk
- (D) Remove the items from it

Khi anh Koh nói rằng "Cô có thể gửi gói đó đến văn phòng của tôi được không ạ?", cô Matova trả lời "Không vấn đề gì. Dù sao thì tôi cũng sẽ lên lầu một phút", nghĩa là cô ấy sẽ tiện đó đưa gói hàng cho anh Koh (**take it to Mr. Koh**), nên câu A là đáp án đúng.

166. Vào lúc 10:19 A.M., cô Matova có thể có ý gì khi viết, "Ôi xin lỗi"?

- (A) Cô ấy đặt nhầm phiếu giao hàng.
- (B) Cô ấy đến muộn giờ làm việc.
- (C) Cô ấy muốn anh Koh lặp lại hướng dẫn của mình.

(D) Cô ấy đã nhầm lẫn khi đọc nhãn.

167. Cô Matova có thể sẽ làm gì với gói hàng?

- (A) Đưa nó cho anh Koh**
- (B) Gửi nó qua thư chuyển phát nhanh
- (C) Để nó ở quầy lễ tân
- (D) Loại bỏ các mục hàng từ nó

From: Won Ho Kim

To: Management Team

Date: 12 August

Subject: Improving employee satisfaction

Management Team:

-- [1] --. Over the next few months, the Human Resources department will be engaging with the Management Team in a variety of conversations about increasing productivity and employee satisfaction. -- [2] --.

Telecommuting, in which employees are permitted to work from home all or part of the time, is an approach that many companies are using because it allows employees to work on tasks that may be difficult to complete in an office full of disruptions. With the building reconfiguration project coming up in January, we would like to take the opportunity to consider whether telecommuting would be a good solution for our company. Our final decision on this matter will influence the way in which the work space is reorganized.

I am writing to ask for your feedback. -- [3] --. At this point, Human Resources is simply gathering information. Please complete the

Từ: Won Ho Kim

Đến: Đội ngũ quản lý

Ngày: 12 tháng 8

Chủ đề: Cải thiện sự hài lòng của nhân viên

Nhóm quản lý:

- [1] -. Trong vài tháng tới, bộ phận Nhân sự sẽ tham gia với Nhóm Quản lý trong nhiều cuộc trò chuyện về việc tăng năng suất và sự hài lòng của nhân viên.

- [2] -.

Làm việc từ xa, trong đó nhân viên được phép làm việc tại nhà toàn bộ hoặc một phần thời gian, là một cách tiếp cận mà nhiều công ty đang sử dụng vì nó cho phép nhân viên làm việc trong các nhiệm vụ có thể khó hoàn thành trong một văn phòng đầy sự gián đoạn. Với dự án tái cấu trúc tòa nhà sắp ra mắt vào tháng 1, chúng tôi muốn có cơ hội xem xét liệu làm việc từ xa có phải là một giải pháp tốt cho công ty của chúng ta hay không. Quyết định cuối cùng của chúng tôi về vấn đề này sẽ ảnh hưởng đến cách thức tổ chức lại không gian làm việc.

Tôi viết điều này để yêu cầu phản hồi của bạn. - [3] -.

Tại thời điểm này, Nhân sự chỉ đơn giản là thu thập thông tin. Xin vui lòng hoàn thành khảo sát về làm việc từ xa, được tìm thấy trên trang web Nhân sự. --



telecommuting survey, which is found on the Human Resources Web site.-- [4] --. Just look for the link on the left side of the home page. Thank you in advance, and please let me know if you have any questions. Won Ho Kim Human Resources Manager GHTY Engineering, Inc.	[4] -. Chỉ cần tìm liên kết ở phía bên trái của trang chủ. Cảm ơn bạn trước, và xin vui lòng cho tôi biết nếu bạn có bất kỳ câu hỏi. Won Ho Kim Quản lý phòng nhân lực Công ty GHTY Engineering
--	---

168. Why was the e-mail sent?

- (A) To remind employees about a policy
- (B) To request participation in a survey**
- (C) To discuss upcoming meetings
- (D) To encourage employees to attend an event

Ở đoạn cuối trong e-mail có nói rằng “Tôi viết điều này để yêu cầu phản hồi của bạn” (I am writing to ask for your feedback) và “Xin vui lòng hoàn thành khảo sát” (please complete the ... survey). 2 ý này chỉ rõ mục đích của e-mail là yêu cầu phản hồi thông qua 1 khảo sát, vậy B là phương án đúng nhất.

169. What is mentioned as a benefit of telecommuting?

- (A) It helps employees work without interruptions.**
- (B) It frees up space in the building for new workers.
- (C) It is good for the environment.
- (D) It saves the company money.

Các phương án B, C, D đều không được nhắc đến trong bài, chỉ có phương án A được thể hiện theo thông tin “nó cho phép nhân viên làm việc trong các nhiệm vụ có thể khó hoàn thành trong một văn phòng đầy sự gián đoạn.” (it allows employees to work on tasks that may be difficult to complete in an office full of disruptions), trong đó “it” chính là telecommuting. Từ đó có thể suy ra nếu nhân viên thực hiện việc làm việc từ xa, không làm ở văn phòng thì tránh được những gián đoạn. Vậy A là phương án đúng.

170. What is the company planning to do in the new year?

- (A) Hire a new human resources manager
- (B) Reorganize the management team
- (C) Change the layout of its building**
- (D) Introduce a new Web site

Ta thấy có thông tin “Với dự án tái cấu trúc tòa nhà sắp ra mắt vào tháng 1” (With the building reconfiguration project coming up in January), tháng 1 nghĩa là vào năm sau đúng với thông tin “new year” trong câu hỏi. Ngoài ra việc “tái cấu trúc tòa nhà” cũng đồng nghĩa với việc thay đổi cấu trúc tòa nhà, trong 4 phương án chỉ có phương án C là phù hợp với thông tin này nên là phương án đúng.

171. In which of the positions marked [1], [2], [3], and [4] does the following sentence best belong?

168. Vì sao e-mail được gửi?

- (A) Để nhắc nhở các nhân viên về 1 chính sách
- (B) Để yêu cầu tham gia 1 khảo sát**
- (C) Để bàn luận về các cuộc họp sắp tới
- (D) Để khuyến khích các nhân viên tham gia 1 sự kiện

169. Điều gì được nhắc đến như là 1 lợi ích của việc làm việc từ xa?

- (A) Nó giúp các nhân viên làm việc mà không có những sự gián đoạn.**
- (B) Nó giải phóng không gian trong tòa nhà dành cho những công nhân mới.
- (C) Nó tốt cho môi trường.
- (D) Nó tiết kiệm tiền của công ty.

170. Công ty đang lên kế hoạch làm gì trong năm mới?

- (A) Thuê 1 quản lý nhân sự mới
- (B) Tái tổ chức nhóm quản lý
- (C) Thay đổi kiến trúc của tòa nhà của nó**
- (D) Ra mắt 1 trang Web mới.

171. Vị trí nào trong các vị trí [1], [2], [3], [4] là phù hợp cho câu sau đây nhất?
“Nên được ghi nhớ rằng chưa có quyết định nào về làm việc từ xa được đưa ra.”



"It should be noted that no decisions about telecommuting have been made."

(A) [1]

(B) [2]

(C) [3]

(D) [4]

(A) [1]

(B) [2]

(C) [3]

(D) [4]

Ta loại 2 phương án A và B vì 2 chỗ trống này nằm ở đoạn 1, khi chưa có thông tin nào về "telecommuting" được đưa ra nên câu này không phù hợp ở 2 vị trí này. Phương án D cũng không phù hợp vì vị trí [4] nằm giữa 2 câu nói về trang Web của Nhân sự nên hoàn toàn không có sự liên kết về nghĩa. Phương án C là phương án phù hợp nhất khi nói về việc "Tại thời điểm này, Nhân sự chỉ đơn giản là thu thập thông tin" (At this point, Human Resources is simply gathering information.), đây là phương án liên quan đến việc đưa ra quyết định có áp dụng làm việc từ xa hay không nên phù hợp với câu trong đề. Vậy C là phương án đúng.

The Uppsala International Book Fair 22-24 September • Berglund Conference Hall • Uppsala, Sweden	Hội chợ sách quốc tế Uppsala 22-24 Tháng 9 • Phòng họp Berglund • Uppsala, Sweden
Schedule for Friday, 22 September	Lịch cho thứ 6, 22 tháng 9
Outthinking Public Opinion 12:00 noon-1:00 P.M., Salon A Touring to promote his latest book, Outthinking Public Opinion, author Damian Schnauz makes a stop at the Uppsala International Book Fair to discuss his latest subject, take questions, and sign his books.	Outhinking Public Opinion 12:00 trưa – 1:00 chiều, phòng họp A Trong chuyến đi quảng bá cuốn sách mới nhất của mình, nhà văn Damian Schnauz đã dừng chân tại hội chợ sách quốc tế Uppsalo để bàn luận về chủ đề mới nhất, tiếp nhận câu hỏi và kí sách.
Introductory Course in Graphic Design 1:30-2:30 P.M., Visual Media Centre Professional digital designers Allen Doubek and Ivanette Lacasse will present useful techniques and provide attendees with hands-on practice opportunities.	Khóa học giới thiệu về thiết kế đồ họa 1: 30-2: 30 P.M., Trung tâm truyền thông hình ảnh Các nhà thiết kế kỹ thuật số chuyên nghiệp Allen Doubek và Ivanette Lacasse sẽ trình bày các kỹ thuật hữu ích và cung cấp cho người tham dự cơ hội thực hành.
Seminar on Online Publishing 3:00-4:30 P.M., Lindqvist Auditorium Releasing and promoting e-books and audiobooks on the Internet. Speakers: Kenneth Pulaski, editor-in-chief of Vendler Publishing, and Tina Savona, marketing manager at Vendler Publishing. All accompanying materials will be sold at the venue immediately before and after the seminar.	Hội thảo về xuất bản trực tuyến 3: 00-4: 30 P.M., Thính phòng Lindqvist Phát hành và quảng bá sách điện tử và sách nói trên Internet. Diễn giả: Kenneth Pulaski, tổng biên tập của Vendler Publishing, và Tina Savona, giám đốc tiếp thị tại Vendler Publishing. Tất cả các tài liệu đi kèm sẽ được bán tại địa điểm ngay trước và sau hội thảo.
Readership in the Digital Age 5:00-6:30 P.M., Room 210	Độc giả trong thời đại kỹ thuật số



<p>Is literacy promoted or inhibited by digital media? Debate moderated by Greg Gunnarson.</p>	<p>5: 00-6: 30 P.M., Phòng 210 Là việc xóa mù chữ được thúc đẩy hay bị ức chế bởi truyền thông kỹ thuật số? Cuộc tranh luận được tổ chức bởi Greg Gunnarson.</p>
<ul style="list-style-type: none"> • To attend these or any other sessions, purchase a daily admission ticket for 100 kr. • Note that reservations are not required for any session, but seating is limited, so please arrive a few minutes before the scheduled time to ensure a seat. Also note that while photos are permitted, no video recordings may be made of any presentation. • Meals are available for purchase at locations throughout Berglund Conference Hall. Information about accommodations may be obtained on our Web site at uibf.se/hotels. 	<ul style="list-style-type: none"> • Để tham dự những phiên này hoặc bất kỳ các phiên nào khác, hãy mua vé vào cửa hàng ngày với giá 100 kr. • Lưu ý rằng không yêu cầu đặt chỗ cho bất kỳ phiên họp nào, nhưng chỗ ngồi thì hạn chế, vì vậy vui lòng đến một vài phút trước thời gian dự kiến để đảm bảo chỗ ngồi. Cũng lưu ý rằng dù chụp ảnh được cho phép, nhưng không có bản ghi hình nào có thể được thực hiện trong bất kỳ dạng nào. • Các bữa ăn có sẵn để mua tại các địa điểm trên khắp Hội trường Berglund. Thông tin về những chỗ ở có thể được lấy trên trang web của chúng tôi tại uibf.se/hotels.

172. What is suggested about the first day of the Uppsala International Book Fair?

- (A) It is being organized by a team of publishers.
(B) **No sessions are scheduled for the morning hours.**
(C) Attendance is expected to be the highest on that day.
(D) Mr. Schnauz will announce the subject of his next book.

Các phương án A và C và D đều không được nhắc đến trong bài, chỉ có phương án B là đúng khi ta thấy giờ của của buổi học trải dài từ 12 giờ trưa (giờ mở đầu phiên họp đầu tiên) đến 6 giờ 30 chiều (giờ kết thúc phiên họp cuối cùng).

173. Where will book fair attendees be able to participate in interactive activities?

- (A) In Salon A
(B) **In the Visual Media Centre**
(C) In Lindqvist Auditorium
(D) In Room 210

Trong các buổi họp chỉ có buổi họp về khóa học giới thiệu về thiết kế đồ họa là “cung cấp cho người tham dự cơ hội thực hành.” (provide attendees with hands-on practice opportunities.), đồng nghĩa với cung cấp hoạt động tương tác cho người tham gia. Buổi họp này có vị trí là ở trung tâm truyền thông hình ảnh nên B là phương án chính xác.

174. What is mentioned about the accompanying materials for the seminar?

- (A) **They can be purchased on-site.**
(B) They can be downloaded online.
(C) They are available in limited numbers.

172. Điều gì được gợi ý về ngày đầu tiên của Hội chợ sách quốc tế Uppsala?

- (A) Nó được tổ chức bởi 1 nhóm nhà xuất bản.
(B) **Không phiên họp nào được xếp lịch vào giờ buổi sáng.**
(C) Số người tham gia được trông chờ cao nhất vào ngày đó.
(D) Ông Schnauz sẽ thông báo chủ đề của cuốn sách tiếp theo của ông ấy.

173. Những người tham gia hội chợ sách sẽ tham gia các hoạt động tương tác ở đâu?

- (A) Ở phòng họp A
(B) **Ở trung tâm truyền thông hình ảnh**
(C) Ở thính phòng Lindqvist
(D) Ở phòng 210

174. Điều gì được nhắc đến về các tài liệu đi kèm trong khóa học?

- (A) **Chúng có thể được mua ngay tại chỗ.**
(B) Chúng có thể được tải về trên mạng.
(C) Chúng chỉ có số lượng giới hạn.



(D) They should be ordered from the presenters.

Các tài liệu trong bài được nhắc đến trong câu “Tất cả các tài liệu đi kèm sẽ được bán tại địa điểm” (All accompanying materials will be sold at the venue), vậy tài liệu sẽ được bán ở ngay tại địa điểm đó, vậy A là phương án chính xác.

175. What are book fair attendees encouraged to do?

- (A) Ask questions after sessions
- (B) Post photos on social media
- (C) Rearrange seats as necessary
- (D) Arrive early for sessions**

Các phương án A, B và C đều không được nhắc đến trong bài, chỉ có phương án D được nhắc đến trong câu “vui lòng đến một vài phút trước thời gian dự kiến” (please arrive a few minutes before the scheduled time), vậy D là phương án chính xác.

(D) Chúng nên được đặt từ những người diễn thuyết.

175. Những người tham gia hội chợ sách được khuyến khích làm gì?

- (A) Hỏi các câu hỏi sau các buổi họp.
- (B) Đăng hình trên mạng xã hội.
- (C) Sắp xếp lại chỗ ngồi khi cần
- (D) Đến sớm cho các buổi họp**

Clothing	Gear	Customer Service	About us	Quần áo	Đồ hỗ trợ	Dịch vụ khách hàng	Về chúng tôi
Mountain and Forest Company The Leader in Quality Camping and Hiking Gear Please note that most regular electronic or phone orders can be processed and made ready for shipping almost immediately. Custom and personalized orders may take up to five days for processing before they are shipped. Please direct any questions or concerns to our customer service department at service@mountainandforest.ca. We will respond within 24 hours Our shipping rates:				Công ty Mountain and Forest Người đi đầu trong chất lượng đồ hỗ trợ cắm trại và leo núi Xin lưu ý rằng hầu hết các đơn đặt hàng điện tử hoặc điện thoại thông thường có thể được xử lý và sẵn sàng để vận chuyển gần như ngay lập tức. Đơn đặt hàng tùy chỉnh và cá nhân hóa có thể mất đến năm ngày để xử lý trước khi chúng được chuyển đi. Vui lòng gửi bất kỳ câu hỏi hoặc thắc mắc đến bộ phận dịch vụ khách hàng của chúng tôi tại service@mountainandforest.ca. Chúng tôi sẽ trả lời trong vòng 24 giờ Các mức phí chuyển hàng của chúng tôi:			
Order cost with tax	Overnight shipping (1 day)	Express shipping (3 days)	Standard (6 – 8 days)	Giá đơn hàng với thuế	Giao hàng xuyên đêm (1 ngày)	Giao hàng nhanh (3 ngày)	Tiêu chuẩn (6-8 ngày)
Under \$25	\$8	\$5	\$3	Dưới \$25	\$8	\$5	\$3
\$25 to \$100	\$13	\$7	\$5	\$25 đến \$100	\$13	\$7	\$5
Over \$100	\$18	\$15	FREE	Trên \$100	\$18	\$15	MIỄN PHÍ
To: service@mountainandforest.ca From: jinheeshin@sharemail.ca Date: 10 January				Đến: service@mountainandforest.ca Từ: jinheeshin@sharemail.ca Ngày: 10 January			



Subject: Order B75022

I recently placed an order for \$135 for hiking boots and a thermal jacket intended for a camping trip this weekend. According to the confirmation I received at the time of my purchase, my order should have arrived yesterday. Since I paid an additional fee for three-day shipping, I was expecting that my order would arrive in a timely fashion. As it has not, I am requesting a refund of the shipping cost. Additionally, if my order has not been delivered by tomorrow, please cancel my order as I will have to purchase similar items at a local shop.

Sincerely,
Jin-Hee Shin

Chủ đề: Order B75022

Gần đây tôi đã đặt 1 đơn hàng 135 đô cho giày leo núi và áo khoác nhiệt dành cho chuyến đi cắm trại vào cuối tuần này. Theo xác nhận tôi nhận được tại thời điểm mua hàng, đơn hàng của tôi đáng lẽ phải đến vào ngày hôm qua. Vì tôi đã trả một khoản phí bổ sung cho việc vận chuyển trong ba ngày, tôi đã hy vọng rằng đơn hàng của mình sẽ đến kịp thời. Vì nó không đến, tôi yêu cầu hoàn lại chi phí vận chuyển. Ngoài ra, nếu ngày mai đơn hàng của tôi chưa được giao, vui lòng hủy đơn hàng của tôi vì tôi sẽ phải mua các mặt hàng tương tự tại một cửa hàng địa phương.

Trân trọng,
Jin-Hee Shin

176. In the Web page, what is indicated about Mountain and Forest's shipping?

- (A) Standard shipping is free for orders under \$25.
- (B) **Some shipped orders may take up to eight days to arrive.**
- (C) The shipping cost depends on the total weight of an order.
- (D) Custom orders are not eligible for standard delivery.

Các phương án sau đây đều sai: A (trong bảng có ghi giao hàng tiêu chuẩn với đơn hàng dưới 25 đô thì phí là 3 đô), C (cân nặng của đơn hàng không hề được nhắc tới) và D (đơn hàng tùy chỉnh và vận chuyển tiêu chuẩn không được nhắc đến cùng nhau). Chỉ có phương án B là đúng khi nhìn trong hình ta thấy thời gian cao nhất là vận chuyển tiêu chuẩn (standard) khi mất từ 6 đến 8 ngày để vận chuyển.

177. In the Web page, the word "direct" in paragraph 2, line 1, is closest in meaning to

- (A) **address**
- (B) supervise
- (C) prescribe
- (D) handle

Ta thấy động từ "direct" đi với danh từ là "các câu hỏi hoặc các thắc mắc" (questions or concerns) và điểm đến là bộ phận dịch vụ khách hàng (customer service), vậy chỉ có "gửi" (address) là mang nghĩa đúng và phù hợp nhất trong 4 phương án. Vậy A là phương án đúng.

178. What is the purpose of the e-mail?

- (A) To suggest a new service policy
- (B) To inquire about an order packing error
- (C) To request a personalized item
- (D) **To report a delivery problem**

Ta thấy câu này "đơn hàng của tôi đáng lẽ phải đến vào ngày hôm qua" (my order should have arrived yesterday) chỉ ra rằng việc đơn hàng được đặt vẫn chưa đến dù đáng lẽ nó phải đến trước

176. Ở trang Web, điều gì được chỉ ra từ việc giao hàng của Mountain and Forest?

- (A) Giao hàng tiêu chuẩn thì miễn phí cho các đơn hàng dưới 25 đô.
- (B) **1 vài đơn hàng đã được chuyển có thể mất đến 8 ngày để đến nơi.**
- (C) Phí giao hàng tùy thuộc vào tổng cân nặng của 1 đơn hàng.
- (D) Các đơn hàng tùy chỉnh thì không thích hợp cho vận chuyển tiêu chuẩn.

177. Trong trang Web, từ "direct" trong đoạn 2, dòng 1 thì có nghĩa gần nhất với

- (A) **gửi**
- (B) giám sát
- (C) quy định
- (D) đối xử, sử dụng

178. Mục đích của e-mail là gì?

- (A) Đề gợi ý 1 chính sách dịch vụ mới
- (B) Đề hỏi về 1 lỗi đóng gói hàng
- (C) Đề yêu cầu 1 món hàng cá nhân hóa
- (D) **Đề báo cáo về 1 vấn đề vận chuyển hàng**



thời điểm viết e-mail 1 ngày, từ đó suy ra đây là 1 vấn đề về việc chuyển hàng, vậy D là phương án đúng.

179. How much did Ms. Shin pay for shipping?

- (A) \$5
- (B) \$8
- (C) **\$15**
- (D) \$18

179. Cô Shin trả bao nhiêu cho việc chuyển hàng?

- (A) \$5
- (B) \$8
- (C) **\$15**
- (D) \$18

Ta thấy trong e-mail có nói rằng “tôi đã trả một khoản phí bổ sung cho việc vận chuyển trong ba ngày “(I paid an additional fee for three-day shipping) cộng với việc đơn hàng của cô Shin là 135 đô (an order for \$135) nghĩa là trên \$100 nên theo bảng mức phí của công ty ta thấy cô Shin phải trả 15 đô, vậy C là phương án chính xác.

180. According to the e-mail, why might Ms. Shin decide to visit a local shop?

- (A) She expects to purchase her items for a lower price.
- (B) She wants to support businesses in her town.
- (C) **She needs to have her items before a certain date.**
- (D) She hopes to find a greater selection of sportswear.

180. Theo e-mail, vì sao có thể cô Shin quyết định ghé 1 cửa hàng địa phương?

- (A) Cô ấy mong chờ mua các món đồ của mình với giá thấp hơn.
- (B) Cô ấy muốn hỗ trợ các doanh nghiệp ở thị trấn của mình.
- (C) **Cô ấy cần phải có các món hàng trước 1 ngày nhất định.**
- (D) Cô ấy hi vọng tìm được lựa chọn đa dạng hơn cho đồ thể thao của mình.

Ở đầu e-mail ta thấy cô Shin nói mình cần những món hàng cho chuyến đi cắm trại cuối tuần này (for a camping trip this weekend) và cô ấy cũng nói nếu các món hàng không được giao vào ngày hôm sau, cô ấy sẽ phải mua những món hàng tương tự ở 1 cửa hàng địa phương (if my order has not been delivered by tomorrow ... as I will have to purchase similar items at a local shop.). có thể hiểu cô ấy cần có các món hàng trước “ngày mai” để chuẩn bị cho chuyến đi, vậy “ngày mai” chính là ngày nhất định mà cô ấy phải có các món hàng, vậy C là phương án đúng khi thể hiện đúng ý này.

Society for Trade and Industry (STI) "The Role of Distance Education in Professional Training" City University of Abu Dhabi, 11-13 October DRAFT: Schedule for Wednesday, 11 October		Hiệp hội Thương mại và Công nghiệp (STI) "Vai trò của giáo dục từ xa trong đào tạo chuyên nghiệp" Đại học thành phố Abu Dhabi, 11-13 / 10 DRAFT: Lịch trình cho Thứ Tư, ngày 11 tháng 10	
7:30 A.M.-9:00A.M.	Conference Registration	7:30 A.M.-9:00A.M.	Đăng kí hội nghị
9:00 A.M.-9:10A.M.	Welcome and Opening Remarks: Yasmin AI Gaoood, Conference Chair	9:00 A.M.-9:10A.M.	Phát biểu chào mừng và khai mạc: Yasmin AI Gaoood, Chủ tịch hội nghị
9:15 A .M.-10:00 A.M.	Opening Keynote Address: Ayurni Murakami, STI President	9:15 A .M.-10:00 A.M.	Xác định các điểm chính khai mạc :
10:05 A.M.- 10:50 A.M.	Title of presentation unknown:		



	representative to be selected, Yaounde College of Agriculture, Cameroon		Ayurni Murakami, chủ tịch STI
10:55 A.M.-11:40 A.M.	Innovative Online Resources: Chia Po Cheng, Taipei Business Management Institute, Taiwan	10:05 A.M.- 10:50 A.M.	Tiêu đề của bài thuyết trình không rõ: đại diện sẽ được chọn, Đại học Nông nghiệp Yaounde, Cameroon
11:45 A .M.-1:20 P.M.	Lunch (Turquoise Center, central campus)	10:55 A.M.-11:40 A.M.	Nguồn tài nguyên trực tuyến tân tiến: Chia Po Cheng, Viện quản lý doanh nghiệp Đài Bắc, Đài Loan
1:30 P.M.-2:15P.M.	Distance Education in the Film Industry: representative from Scotland to be selected	11:45 A .M.-1:20 P.M.	Ăn trưa (Trung tâm Turquoise, trung tâm khuôn viên trường)
2:20 P.M.- 3:05P.M.	Improving Course Content Quality: Andrei Durchenko, Moscow Journalism Academy, Russia	1:30 P.M.- 2:15P.M.	Giáo dục từ xa trong ngành công nghiệp điện ảnh: đại diện từ Scotland sẽ được chọn
3:10 P .M.-4:00P.M.	Learner Support Systems: Marcel Peralta, School of Pediatric Dentistry, Asuncion, Paraguay	2:20 P.M.- 3:05P.M.	Cải thiện chất lượng nội dung khóa học: Andrei Durchenko, Học viện báo chí Moscow, Nga
From: Ayumi Murakami <amurakami@ sti.org> To: Yasmin Al Gaood <yasmin.algaood@cuad.ac.ae> Subject: Re: Draft conference schedule for Wednesday Date: 25 August Hello, Yasmin, As per your request, I have filled the slots that were listed as still available on the tentative conference		Từ: Ayumi Murakami <amurakami@ sti.org> Đến: Yasmin Al Gaood <yasmin.algaood@cuad.ac.ae> Chủ đề: Re: Lịch nhập cho hội nghị vào thứ 4 Ngày: 25 tháng 8 Xin chào, Yasmin, Theo yêu cầu của bạn, tôi đã điền vào các vị trí được liệt kê là vẫn còn chỗ trong lịch trình hội nghị dự kiến vào thứ Tư. Tiến sĩ Alban	



schedule for Wednesday. Dr. Alban Buchanan in Scotland says that he is eager to talk about distance education as it is practiced within the film academies in his country. Also, my contact in Yaounde wrote to let me know that Ms. Marie-Therese Tchangou will be the school's representative.

Mr. Andrei Durchenko has informed me that he is withdrawing from the conference. His replacement from the same school, Ms. Melina Vakhitova, will submit the title of her presentation shortly.

I also wanted to add that I will be arriving in Abu Dhabi at 6:00A.M. on Wednesday. That should give me plenty of time to set up for my presentation.

Regards,
Ayumi

Buchanan ở Scotland nói rằng ông rất háo hức nói về giáo dục từ xa vì nó được thực hiện trong các học viện điện ảnh ở nước ông. Ngoài ra, liên hệ của tôi ở Yaounde đã viết thư đề cho tôi biết rằng cô Marie-Therese Tchangou sẽ là đại diện của trường.

Ông Andrei Durchenko đã thông báo với tôi rằng ông sẽ rút khỏi hội nghị. Người thay thế đến từ cùng trường, cô Melina Vakhitova, sẽ sớm gửi tiêu đề cho bài thuyết trình của mình. Tôi cũng muốn nói thêm rằng tôi sẽ đến Abu Dhabi lúc 6:00 A.M. vào thứ Tư. Điều đó sẽ cho tôi nhiều thời gian để chuẩn bị cho bài thuyết trình của mình.

Trân trọng,
Ayumi

181. What is indicated about Ms. Murakami?

- (A) **She will speak on the first day of the conference.**
- (B) She was recently elected STI president.
- (C) She will be available to answer questions.
- (D) She is scheduled to present in the afternoon.

Các phương án B và C đều không được nhắc đến trong bài, phương án D thì sai khi theo lịch thì phần của cô ấy là từ 9 giờ 15 đến 10 giờ sáng, chỉ có phương án A là đúng khi cô ấy có bài nói trong ngày 11 tháng 10 (11 October), là ngày đầu tiên của hội nghị vì hội nghị kéo dài từ 11 đến 13 tháng 10 (11 – 13 October). Vậy A là phương án đúng.

182. When will a specialist in business management be speaking?

- (A) At 10:05 A.M.
- (B) **At 10:55 A.M.**
- (C) At 2:20P.M.
- (D) At 3:10P.M.

Trong những diễn giả, ta thấy chỉ có Chia Po Cheng là liên quan đến quản lý doanh nghiệp khi đến từ viện quản lý doanh nghiệp Đài Bắc (Taipei Business Management Institute) và người này thuyết giảng bắt đầu buổi giảng của mình vào lúc 10 giờ 55 phút sáng. Vậy B là phương án chính xác.

183. In the e-mail, in paragraph 1, line 1, the word "slots" is closest in meaning to

- (A) reservations
- (B) machines
- (C) **openings**
- (D) buildings

Ta thấy danh từ "slots" nằm trong câu "Tôi đã điền vào "slots" được liệt kê là còn trống" (I have filled the slots that were listed as still available) và người dùng là 1 trong những diễn giả cho buổi

181. Điều gì được chỉ ra từ cô Murakami?

- (A) **Cô ấy sẽ nói vào ngày đầu tiên của hội nghị.**
- (B) Cô ấy gần đây được bầu làm chủ tịch STI.
- (C) Cô ấy sẽ rảnh để trả lời các câu hỏi.
- (D) Cô ấy được xếp lịch để thuyết trình vào buổi chiều.

182. Khi nào 1 chuyên gia về quản lý doanh nghiệp sẽ thuyết giảng?

- (A) Vào 10 giờ 5 phút sáng.
- (B) **Vào 10 giờ 55 phút sáng.**
- (C) Vào 2 giờ 20 chiều.
- (D) Vào 3 giờ 10 chiều.

183. Trong e-mail, ở đoạn 1, dòng 1, từ "slots" có nghĩa gần nhất với

- (A) Những chỗ đặt trước
- (B) Những máy móc
- (C) **Những chỗ còn trống**
- (D) Những tòa nhà



hội nghị đó, vậy các phương án A, B và D đều không phù hợp với ngữ cảnh này. Chỉ có C là phù hợp nhất nên là phương án đúng.

184. What presentation will have to be canceled?

- (A) Innovative Online Resources
- (B) Distance Education in the Film Industry
- (C) **Improving Course Content Quality**
- (D) Learner Support Systems

184. Bài thuyết trình nào sẽ bị hủy?

- (A) Nguồn tài nguyên trực tuyến tân tiến
- (B) Giáo dục từ xa trong ngành công nghiệp điện ảnh
- (C) **Cải thiện chất lượng nội dung khóa học**
- (D) Hệ thống hỗ trợ người học

Trong e-mail có nói rằng “Ông Andrei Durchenko đã thông báo với tôi rằng ông sẽ rút khỏi hội nghị” (Mr. Andrei Durchenko has informed me that he is withdrawing from the conference) đồng nghĩa với việc bài thuyết trình của ông sẽ bị hủy, theo lịch trình thì bài của ông là “Cải thiện chất lượng nội dung khóa học”, vậy C là phương án chính xác.

185. According to the e-mail, what information is Ms. Murakami expecting to receive?

- (A) **The title of a presentation**
- (B) The name of a replacement speaker
- (C) The conference schedule for Thursday
- (D) The contact information for Mr. Buchanan

185. Theo e-mail, cô Murakami trông đợi sẽ nhận được?

- (A) **Tên của 1 bài thuyết trình**
- (B) Tên của diễn giả thay thế
- (C) Lịch hội nghị cho thứ 5
- (D) Thông tin liên lạc cho ông Buchanan

Các phương án B, C và D đều không được nhắc đến trong bài, chỉ có phương án A được thể hiện qua câu “Người thay thế đến từ cùng trường, cô Melina Vakhitova, sẽ sớm gửi tiêu đề cho bài thuyết trình của mình.” (His replacement from the same school, Ms. Melina Vakhitova, will submit the title of her presentation shortly.) Cô Murakami dùng từ “shortly” là để thể hiện sự mong đợi về việc diễn giả thay thế sẽ gửi tên của bài thuyết trình của mình, nói ngắn gọn là cô ấy mong đợi sẽ nhận được tên của bài thuyết trình này.

From: mstoch@ hesidionclinic.com

To: Istawinski @nostilde.com

Date: March 20

Subject: Hesidion Clinic's Health Awareness Day

Dear Ms. Stawinski,

In appreciation of your loyalty as a long-time patient of Hesidion Clinic, we are pleased to invite you to our clinic's Health Awareness Day to be held at the clinic on Saturday, April 10. We would be delighted to see you attend, as we will offer a number of activities designed to promote health awareness in our community. If you sign up for this special event by responding to this e-mail by March 31, you will receive a code to present at the clinic for a surprise benefit. Martin Stoch, Communications Director, Hesidion Clinic

Từ: mstoch @youidionclinic.com

Tới: Istawinski @nostilde.com

Ngày: 20 tháng Ba

Chủ đề: Ngày Nhận thức Sức khỏe của Phòng Khám Hesidion

Thân gửi cô Stawinski,

Để thể hiện sự trân trọng lòng trung thành của cô với tư cách là bệnh nhân lâu năm của Phòng khám Hesidion, chúng tôi rất vui được mời cô đến Ngày Nhận thức Sức khỏe sẽ được tổ chức tại phòng khám vào Thứ Bảy, ngày 10 tháng Tư. Chúng tôi rất hân hoan chào đón cô vì ở đây sẽ cung cấp một số hoạt động thiết kế để thúc đẩy nhận thức về sức khỏe trong cộng đồng của chúng ta. Nếu cô đăng ký sự kiện đặc biệt này bằng cách trả lời email này trước ngày 31 tháng Ba, cô sẽ nhận được một đoạn mã để đưa ra tại phòng khám để nhận được điều bất ngờ.

	Martin Stoch, Giám đốc truyền thông, Phòng khám Hesidion
<p>Hesidion Clinic Health Awareness Day, April 10</p> <p>Tasks and Responsibilities</p> <ul style="list-style-type: none"> • Communications: Martin Stoch • Advertising: Adilene Walker • Presentations: Jillion Opala (Nutrition), Lance Verhoeven (Fitness) • Kids' Health Game: Susan Hayashi • Health Checkups/Talks: Anne Spillane, Rami AI-Araj, Kurt Yin, Thierry Daumas 	<p>Ngày Nhận thức Sức khỏe Phòng khám Hesidion, Ngày 10 Tháng Tư</p> <p>Nhiệm vụ và trách nhiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> • Truyền thông: Martin Stoch • Quảng cáo: Adilene Walker • Thuyết trình: Jillion Opala (Dinh dưỡng), Lance Verhoeven (Thể hình) • Trò chơi sức khỏe cho trẻ em: Susan Hayashi • Kiểm tra sức khỏe / Trò chuyện: Anne Spillane, Rami AI-Araj, Kurt Yin, Thierry Daumas
<p>Health Day at Hesidion Clinic</p> <p>by Shai Herzog on April 14</p> <p>Hesidion Clinic hosted a successful Health Awareness Day this past Saturday. The event was held as a way to thank the community for supporting the clinic over the past 15 years. It was well attended by both Hesidion Clinic patients and members of the general public.</p> <p>Attendees participated in a variety of presentations and everyone received free water bottles, notepads, and other items from event sponsors. Participants who provided a special code were offered a complimentary physical checkup from the team of clinic physicians.</p> <p>During the event, a sizable line formed at Dr. Thierry Daumas' table. "I came out today to learn about skin care and advances in eye-care technology. But Dr. Daumas' talk about how to prevent cavities and improve oral health provided me with the most helpful information," said attendee Liana Stawinski.</p> <p>By far the most popular event was nutritionist Jillian Opala's presentation on healthy eating habits. More than 100 people, many of them retirees, flocked to hear the latest on super foods. The event took nearly twice as long as expected, as Ms. Opala answered a steady stream of participant questions.</p> <p>Children were delighted to take part in a health contest involving questions about general health and hygiene. The winners received toys and certificates from the game host. The day was such a success that Hesidion Clinic director, Lance Verhoeven, is already considering making it an annual event.</p>	<p>Ngày sức khỏe tại phòng khám Hesidion</p> <p>viết bởi Shai Herzog vào ngày 14 tháng 4</p> <p>Phòng khám Hesidion đã tổ chức một Ngày Nhận Thức Sức khỏe thành công vào thứ Bảy vừa qua. Sự kiện này được tổ chức như một cách để tri ân cộng đồng đã hỗ trợ phòng khám trong 15 năm qua. Sự kiện đón nhận sự tham gia của cả bệnh nhân phòng khám Hesidion và thành viên cộng đồng.</p> <p>Người tham dự đã tham gia vào một loạt các bài thuyết trình và mọi người đều nhận được chai nước, sổ ghi và các vật phẩm miễn phí khác từ các nhà tài trợ sự kiện. Những người tham gia cung cấp mã đặc biệt được kiểm tra sức khỏe miễn phí từ đội ngũ bác sĩ phòng khám.</p> <p>Trong sự kiện này, một nhận định khá nổi bật được đưa ra từ sau bài nói của tiến sĩ Thierry Daumas. "Tôi tham dự hôm nay để tìm hiểu về chăm sóc da và những tiến bộ trong công nghệ chăm sóc mắt. Nhưng cuộc nói chuyện của bác sĩ Daumas về cách ngăn ngừa sâu răng và cải thiện sức khỏe răng miệng đã cho tôi thông tin hữu ích nhất". Cho đến nay, sự kiện nổi tiếng nhất là bài thuyết trình của chuyên gia dinh dưỡng Jillian Opala về thói quen ăn uống lành mạnh. Hơn 100 người, và nhiều người trong số họ đã nghỉ hưu, đã đổ xô để nghe thông tin mới nhất về siêu thực phẩm. Sự kiện này đã kéo dài gần gấp đôi so với dự kiến, khi cô Opala trả lời một loạt các câu hỏi của người tham gia. Trẻ em rất vui mừng được tham gia một cuộc thi sức khỏe liên quan đến các câu hỏi về sức khỏe và vệ sinh chung. Những người thắng cuộc nhận được đồ chơi và giấy chứng nhận từ người tổ chức trò chơi. Ngày hôm đó là một thành công đã khiến giám đốc</p>



	phòng khám Hesidion, Lance Verhoeven, xem xét để biến ngày hội thành một sự kiện hàng năm.
--	--

186. What is Ms. Slawinski encouraged to do?

(A) Complete a survey

(B) Go to an event

(C) Organize some activities

(D) Meet with Mr. Stoch

Người viết thư khuyến khích cô Slawinski tham gia sự kiện ngày nhận thức sức khỏe của phòng khám (we are *pleased to invite you to our clinic's Health Awareness Day* to be held at the clinic on Saturday, April 10. We would be delighted to see you attend) nên câu B là đáp án đúng.

187. How did some attendees get a free health checkup?

(A) By arriving when the clinic opened

(B) By attending Dr. Daumas' talk

(C) By responding to an e-mail from Mr. Stach

(D) By winning a competition

Người viết thư đến là ông Stach, và ông ấy thông báo là người tham dự sẽ nhận đoạn mã đặc biệt nếu trả lời thư (If you sign up for this special event by *responding to this e-mail by March 31, you will receive a code*). Trong bài sau, ta thấy những người có đoạn mã sẽ được kiểm tra sức khỏe miễn phí (Participants who *provided a special code were offered a complimentary physical checkup*) với “complimentary physical checkup” đồng nghĩa với “free health checkup”.

188. What does Dr. Daumas most likely specialize in?

(A) Skin

(B) Ears

(C) Eyes

(D) Teeth

Bài nói của tiến sĩ Daumas là về sâu răng và sức khỏe răng miệng (Dr. Daumas' talk about how to prevent *cavities* and improve *oral health*) nên câu D – teeth là đáp án đúng nhất.

189. What is indicated about the presentation on food?

(A) It was filmed.

(B) It was postponed.

(C) It attracted a lot of attention.

(D) It was given by a retired clinic employee.

Câu C là đáp án đúng vì có đoạn nói về bài thuyết trình về thói quen ăn uống/sức khỏe thức ăn của chuyên gia dinh dưỡng là sự kiện được nổi tiếng nhất (By far *the most popular event was nutritionist Jillian Opala's presentation on healthy eating habits*. More than 100 people, many of them retirees, *flocked to hear the latest on super foods*)

190. Who most likely distributed certificates?

(A) Mr. Stach

(B) Ms. Hayashi

(C) Ms. Spillane

(D) Mr. Verhoeven

Trẻ em tham gia sự kiện về sức khỏe, và sẽ nhận giấy chứng nhận từ người tổ chức (The *winners received toys and certificates from the game host*) trong đó người tổ chức là cô Hayashi (*Kids' Health Game: Susan Hayashi*) nên câu B là đáp án đúng.

186. Cô Slawinski được khuyến khích làm gì?

(A) Hoàn thành một cuộc khảo sát

(B) Đi đến một sự kiện

(C) Tổ chức một số hoạt động

(D) Gặp ông Stoch

187. Làm thế nào người tham dự được kiểm tra sức khỏe miễn phí?

(A) Đến khi phòng khám mở

(B) Tham dự buổi nói chuyện của tiến sĩ Daumas

(C) Bằng cách trả lời email từ ông Stach

(D) Bằng cách chiến thắng một cuộc thi

188. Tiến sĩ Daumas có khả năng chuyên về gì nhất?

(A) Da liễu

(B) Tai

(C) Mắt

(D) Răng

189. Điều gì nói về bài thuyết trình về thức ăn?

(A) Bài nói đã được quay lại.

(B) Bài nói đã bị hoãn lại.

(C) Bài nói thu hút rất nhiều sự chú ý.

(D) Bài nói được thực hiện bởi một nhân viên

phòng khám đã nghỉ hưu.

190. Ai có thể phát giấy chứng nhận nhất?

(A) Ông Stach

(B) Cô Hayashi

(C) Cô Spillane

(D) Ông Verhoeven



STUDY BUSINESS IN SINGAPORE

The Singapore Business School (SBS) is located in the heart of Singapore's financial district. We offer a range of high-quality courses aimed at preparing students for graduate school. Between classroom sessions you can explore the city and cultivate business connections. We offer content-based classes, such as finance, economics, and international marketing, as well as classes on preparing graduate school applications, including developing CVs and writing personal statements.

We have helped thousands of students gain entry into graduate programmes around the world. We boast a number of high-profile part-time instructors who are experts in their fields, including Diara Rhodes, chief financial officer of Auto Drive Korea, and Farah Wan, vice president of the Kuala Lumpur Union Lenders. For more information about our impressive faculty and course offerings, or to enroll online, visit our Web site at www.sbs.edu.sg.

HỌC KINH DOANH TẠI SINGAPORE

Trường Kinh doanh Singapore (SBS) nằm ở trung tâm khu tài chính của Singapore. Chúng tôi cung cấp nhiều khóa học chất lượng cao nhằm chuẩn bị cho sinh viên học sau đại học. Giữa các buổi học, bạn có thể khám phá thành phố và trau dồi mạng lưới kinh doanh. Chúng tôi cung cấp các lớp học dựa trên nội dung, như tài chính, kinh tế và tiếp thị quốc tế, cũng như các lớp về chuẩn bị đăng ký học sau đại học, bao gồm phát triển hồ sơ lý lịch và viết báo cáo cá nhân.

Chúng tôi đã giúp hàng ngàn sinh viên tham dự chương trình sau đại học trên khắp thế giới. Chúng tôi tự hào có một số giảng viên bán thời gian cao cấp là những chuyên gia trong lĩnh vực của họ, bao gồm Diara Rhodes, giám đốc tài chính của công ty Auto Drive Korea, và Farah Wan, phó chủ tịch của Công ty cho vay Kuala Lumpur Union Lenders. Để biết thêm thông tin về các ngành khoa và khóa học ấn tượng của chúng tôi, hoặc để đăng ký trực tuyến, truy cập trang web của chúng tôi tại www.sbs.edu.sg.

<http://www.sbs.edu.sg/reviews>

Reviews

What Our Students Are Saying

3 June by Atsushi Koshi

I took a finance course at SBS. The school I am now attending in the United Kingdom had a prerequisite that I had not fulfilled while earning my Bachelor's degree, so the eight-week course was convenient. However, I couldn't afford the high rent in the area, so I had to commute, and the traffic in that area is terrible. I wish SBS offered a dormitory for students at the school. The quality of instruction was superb. My lecturer was Diara Rhodes. Though she tended to rush through lectures, discussing a wide range of topics in a small amount of time, I did learn a lot from the reading and from her descriptions of real-world experiences. The way she solved business problems was a source of inspiration during my graduate school interview, and it is also helping me in my current classes.

To: atsushi.koshi@scholarmail.co.uk

<http://www.sbs.edu.sg/reviews>

Nhận xét

Học sinh của chúng tôi nói gì

Ngày 3 tháng Sáu bởi Atsushi Koshi

Tôi đã tham gia một khóa học tài chính tại SBS. Trường tôi đang theo học tại Vương quốc Anh có một điều kiện tiên quyết mà tôi đã không hoàn thành trong quá trình học Cử nhân, vì vậy khóa học tám tuần rất thuận tiện cho tôi. Tuy nhiên, tôi không có đủ tiền thuê nhà đắt đỏ trong khu vực, vì vậy tôi phải đi từ nhà đến và giao thông trong khu vực đó rất tệ. Tôi muốn SBS cung cấp một ký túc xá cho sinh viên trong trường. Chất lượng giảng dạy rất tuyệt vời. Giảng viên của tôi là Diara Rhodes. Mặc dù cô ấy có xu hướng đi nhanh qua các bài giảng, thảo luận về một loạt các chủ đề trong một khoảng thời gian ngắn, tôi đã học được rất nhiều từ việc đọc và từ những mô tả của cô ấy về kinh nghiệm thực tế. Cách cô ấy giải quyết các vấn đề kinh doanh là nguồn cảm hứng cho cuộc phỏng vấn ở sau đại học của tôi, và nó cũng giúp tôi trong các lớp học hiện tại.

Đến: atsushi.koshi@scholarmail.co.uk



From: Isommersell @sbs.edu.sg

Subject: Your review

Date: 15 August

Dear Mr. Koshi,

Thank you for your feedback. You're not the first person to voice this particular concern. Just so you know, we plan on addressing it by following your recommendation. Students who take classes with us starting as early as 1 January will be able to take advantage of this new benefit. Please be sure to mention this to anyone you know who is thinking about taking a class with us.

Kind regards,

Lauri Sommersell

Từ: Isommersell @ sbs.edu.sg

Chủ đề: Đánh giá của bạn

Ngày: 15 tháng 8

Gửi bạn Koshi

Cảm ơn phản hồi của bạn. Bạn không phải là người đầu tiên nói lên mối quan ngại đặc biệt này. Tôi muốn báo cho bạn biết rằng, chúng tôi dự định giải quyết vấn đề bằng cách làm theo khuyến nghị của bạn. Học viên tham gia lớp học của chúng tôi bắt đầu sớm nhất là vào ngày 1 tháng Một sẽ có thể tận dụng lợi ích mới này. Hãy chắc chắn là đề cập việc này với bất cứ ai mà bạn biết đang nghĩ đến việc tham gia một lớp học với chúng tôi.

Trân trọng,

Lauri Sommersell

191. Who is the brochure intended for?

(A) Business professionals

(B) Potential graduate students

(C) Instructors seeking employment

(D) Aspiring writers

Người viết giới thiệu là chương trình để chuẩn bị cho sinh viên học sau đại học (We offer a range of high-quality courses aimed at *preparing students for graduate school*) nên câu B là đáp án đúng.

192. What is indicated about SBS?

(A) It is located in a busy area.

(B) It offers financial assistance.

(C) It provides internship opportunities.

(D) It has employment-assistance services.

SBS nằm ở trung tâm khu vực tài chính Singapore (The Singapore Business School (SBS) *is located in the heart of Singapore's financial district*) nên ta có thể hiểu đó là nơi bận rộn nên câu A là đáp án đúng.

193. What does Mr. Koshi mention about his lecturer?

(A) She required a lot of reading.

(B) She covered topics quickly.

(C) She provided few examples.

(D) She encouraged in-class participation.

Koshi giới thiệu giảng viên của anh ấy giảng nhiều chủ đề trong thời gian ngắn (she tended to rush through lectures, *discussing a wide range of topics in a small amount of time*) với “quickly” đồng nghĩa với “a small amount of time” nên câu B là đáp án đúng.

194. Where does Mr. Koshi's instructor work when she is not teaching?

(A) At SBS

(B) At a bank in Singapore's financial district

(C) At Auto Drive Korea

(D) At Kuala Lumpur Union Lenders

191. Sách quảng cáo dành cho ai?

(A) Chuyên gia kinh doanh

(B) Sinh viên sau đại học tiềm năng

(C) Giảng viên tìm kiếm việc làm

(D) Nhà văn có tham vọng

192. Điều gì nói về SBS?

(A) Nằm trong một khu vực bận rộn.

(B) Cung cấp hỗ trợ tài chính.

(C) Cung cấp cơ hội thực tập.

(D) Có các dịch vụ hỗ trợ việc làm.

193. Koshi nói gì về giảng viên của anh ấy?

(A) Cô ấy yêu cầu đọc rất nhiều.

(B) Cô ấy dạy về các chủ đề một cách nhanh chóng.

(C) Cô ấy cung cấp một vài ví dụ.

(D) Cô ấy khuyến khích tham gia hoạt động trong lớp.

194. Giảng viên của Koshi làm việc ở đâu khi cô ấy không dạy?

(A) Tại SBS

(B) Tại một ngân hàng ở khu vực tài chính Singapore

(C) Tại Auto Drive Korea

(D) Tại Công ty cho vay Kuala Lumpur Union



Giảng viên của anh ấy là giám đốc tài chính của công ty Auto Drive Korea (Diara Rhodes, chief financial officer of Auto Drive Korea) nên câu C là đáp án đúng.

195. How will SBS be addressing Mr. Koshi's complaint?

- (A) By hiring more faculty
- (B) By reducing the length of classes
- (C) By adding more transportation options
- (D) By building student housing on campus**

Koshi đi lại nhiều và muốn có kí túc xá ở trường (I had to commute, and the traffic in that area is terrible. I wish SBS offered a **dormitory** for students at the school) và SBS quyết định dùng lời đề nghị đó (we plan on **addressing it by following your recommendation**) nên câu D là đáp án đúng với “student housing” và “dormitory” đều có nghĩa là kí túc xá.

195. SBS sẽ giải quyết lời khiếu nại của Koshi như thế nào?

- (A) Thuê thêm giảng viên
- (B) Giảm thời gian tiết học
- (C) Thêm nhiều lựa chọn giao thông
- (D) Xây dựng nhà ở sinh viên trong khuôn viên trường**

SEEKING FULL-TIME LINE COOK

The Delphine Street Grill is a high-profile restaurant serving New Orleans since 1924. We are seeking a line cook to prepare select sauteed items and sauces under the supervision of the executive chef. The ideal candidate will have at least one year of related cooking experience or will have completed a two-year apprenticeship in a well-established restaurant. Demonstrated ability to prepare innovative dishes as well as classic Cajun-style cuisine is required.

To apply, go to www.delphinestreetgrill.com/careers.

TUYỂN DỤNG PHỤ BẾP TOÀN THỜI GIAN

Delphine Street Grill là một nhà hàng cao cấp kinh doanh tại New Orleans từ năm 1924. Chúng tôi đang tìm kiếm một đầu bếp phụ để chuẩn bị các món xào và nước sốt tuyển chọn dưới sự giám sát của đầu bếp điều hành. Ứng cử viên lý tưởng có ít nhất một năm kinh nghiệm nấu ăn liên quan hoặc sẽ hoàn thành hai năm học việc trong một nhà hàng lâu đời. Yêu cầu khả năng chuẩn bị các món ăn sáng tạo cũng như các món ăn theo phong cách Cajun cổ điển.

Để đăng ký, hãy truy cập www.delphinestreetgrill.com/careers.

www.delphinestreetgrill.com/careers/line cook/apply

Name: Anton Hoang

E-mail: antonh94@textmail.com

Phone: 504.555.0177

Related education: Associates degree in culinary arts, Boudreau Community College

Current employer/title: River Ferry Cafe, Line Cook Time employed: Six months

Previous employer/title: Hotel Lenoir, Apprentice Time employed: Two years

Previous employer/title: Picard Seafood, Intern Time employed: Three months

Resume: ☒ Attached

Reference list: ☒ Attached

Cover letter:

I am very interested in the position of line cook at the Delphine Street Grill. For the past six months, I have been the line cook for a cafe serving traditional Cajun meals. Since the cafe has only recently been opened, I am

www.delphinestreetgrill.com/careers/line cook / apply

Tên: Anton Hoàng

E-mail: antonh94@textmail.com

Điện thoại: 504.555.0177

Ngành liên quan: Bằng liên kết về nghệ thuật ẩm thực, Cao đẳng cộng đồng Boudreau

Nơi làm việc hiện tại / chức danh: quán cà phê River Ferry, bếp phụ

Thời gian làm việc: Sáu tháng

Nơi làm việc trước đây / chức danh: Khách sạn Lenoir, Học việc

Thời gian làm việc: Hai năm

Nơi làm việc trước đây / chức danh trước: nhà hàng hải sản Picard, Thực tập

Thời gian làm việc: Ba tháng

Hồ sơ: ☒ Đính kèm

Danh sách giới thiệu: ☒ Đính kèm

Thư xin việc:



<p>responsible for preparing nearly all menu items. I completed my apprenticeship at the famous Hotel Lenoir, working side-by-side with Celebrity Chef Eugenie Mirone. In addition, as Ted Overbeck (my mentor and instructor at Boudreau Community College) can confirm, I am able to develop creative new recipes. In fact, while at the college, I was awarded the Excellence in Innovation Prize for a Vietnamese-style sandwich recipe I crafted, which is now on the menu at the college's cafeteria.</p>	<p>Tôi rất quan tâm đến vị trí đầu bếp phụ tại nhà hàng nướng Delphine Street Grill. Trong sáu tháng qua, tôi là đầu bếp phụ cho một quán cà phê phục vụ các món ăn Cajun truyền thống. Vì quán cà phê chỉ mới được mở gần đây, tôi chịu trách nhiệm chuẩn bị gần như tất cả các món trong thực đơn. Tôi đã hoàn thành thời gian học việc tại Khách sạn Lenoir nổi tiếng, làm việc cùng với Đầu bếp nổi tiếng Eugenie Mirone. Ngoài ra, vì Ted Overbeck (người cố vấn và giảng viên của tôi tại Đại học cộng đồng Boudreau) có thể xác nhận, tôi có thể phát triển các công thức nấu ăn sáng tạo mới. Trên thực tế, khi còn học đại học, tôi đã được trao giải Đổi mới Xuất sắc cho công thức bánh kẹp kiểu Việt Nam do tôi chế biến, hiện đang có trong thực đơn tại quán ăn trường đại học.</p>
<p>BOUDREAU COMMUNITY COLLEGE School of Culinary Arts Marie Beaumont Delphine Street Grill 3248 Delphine Street New Orleans, LA 70117 Dear Ms. Beaumont: I am writing in regard to Anton Hoang's application for employment. Since Mr. Overbeck is on leave this semester, he asked me to respond in his place. Mr. Hoang, who graduated in the top five of his class, demonstrated exceptional culinary skill and a strong desire to learn. He received a glowing review from Sabine Riou, the renowned chef who supervised his three-month internship. I am confident Mr. Hoang will be a valuable asset to your establishment. Sincerely, <i>Liz Flores</i> Liz Flores Associate Director of Culinary Arts</p>	<p>TRƯỜNG ĐẠI HỌC CỘNG ĐỒNG BOUDREAU Trường nghệ thuật ẩm thực Marie Beaumont Nhà hàng nướng Delphine Street Grill 3248 Đường Delphine New Orleans, LA 70117 Cô Beaumont thân mến: Tôi viết thư liên quan đến đơn xin việc của Anton Hoang. Vì ông Overbeck nghỉ học kỳ này, ông ấy đã yêu cầu tôi trả lời thay. Anh Hoang, người tốt nghiệp trong top năm của lớp, đã thể hiện kỹ năng nấu nướng xuất sắc và khao khát học hỏi mạnh mẽ. Anh ấy nhận được một đánh giá tuyệt vời từ Sabine Riou, đầu bếp nổi tiếng, người giám sát quá trình thực tập ba tháng của anh. Tôi tin rằng anh Hoang sẽ là một thành viên quý giá cho nhà hàng của cô. Trân trọng, <i>Liz Flores</i> Liz Flores Phó giám đốc nghệ thuật ẩm thực</p>

196. What is indicated about the line cook position?

- (A) It is a two-year contract.
- (B) It requires working the late-night shift.
- (C) It includes supervising the apprentices.
- (D) It involves preparing a limited variety of dishes**

Công việc bếp phụ chỉ bao gồm chuẩn bị món xào và nước sốt (We are seeking a line cook to prepare select *sauteed items and sauces*) nên câu D là đáp án đúng

196. Điều gì nói về vị trí bếp phụ?

- (A) Đó là một hợp đồng hai năm.
- (B) Cần phải làm việc ca đêm.
- (C) Bao gồm giám sát người học việc.
- (D) Liên quan đến việc chuẩn bị không nhiều món ăn.**

Công việc bếp phụ chỉ bao gồm chuẩn bị món xào và nước sốt (We are seeking a line cook to prepare select



197. What is true about Mr. Hoang?

- (A) He is applying to work at several restaurants.
- (B) He meets the requirements of the position.**
- (C) He has appeared on television with Ms. Mirone.
- (D) He taught at a culinary school in Vietnam.

Hoang có đủ các điều kiện như biết làm các món Cajun (I have been the line cook for a cafe serving **traditional Cajun meals**), làm việc tại nhà hàng nổi tiếng (I completed my apprenticeship at **the famous Hotel Lenoir**) và làm ra món ăn sáng tạo (able to **develop creative new recipes**) như trong điều kiện của nhà hàng (The ideal candidate will **have at least one year of related cooking experience or will have completed a two-year apprenticeship in a well-established restaurant**. Demonstrated **ability to prepare innovative dishes as well as classic Cajun-style cuisine** is required) nên câu B là đáp án đúng.

198. Who is Mr. Overbeck?

- (A) An executive chef
- (B) An associate director
- (C) A culinary teacher**
- (D) A restaurant owner

Ông Overbeck là giáo viên của anh Hoang tại đại học ẩm thực (my mentor and instructor at Boudreau Community College) nên câu C là đáp án đúng.

199. What is suggested about Boudreau Community College?

- (A) It gives out culinary awards**
- (B) It offers free cooking workshops.
- (C) It needs a new chef for its cafeteria.
- (D) It invites celebrity chefs as guest speakers

Hoang đã đạt giải thưởng về món ăn sáng tạo tại trường đại học (I was **awarded the Excellence in Innovation Prize** for a Vietnamese-style sandwich recipe I crafted, which is now **on the menu at the college's cafeteria**) nên câu A là đáp án đúng.

200. Where does Ms. Riou most likely work?

- (A) At the River Ferry Cafe
- (B) At Hotel Lenoir
- (C) At Picard Seafood**
- (D) At the Delphine Street Grill

Ta có thể thấy Hoang làm việc tại nhà hàng hải sản Picard trong 3 tháng (**Picard Seafood**, Intern **Time employed: Three months**) và cô Riou được giới thiệu là người giám sát Hoang trong 3 tháng (Sabine Riou, the renowned chef who **supervised his three-month internship**) nên t có thể móc nối là cô ấy làm tại nhà hàng Picard. Câu C là đáp án đúng.

197. Điều gì đúng về Hoang?

- (A) Anh ấy đang xin vào làm việc tại một số nhà hàng.
- (B) Anh ấy đáp ứng các yêu cầu của vị trí.**
- (C) Anh ấy đã xuất hiện trên truyền hình với cô Mirone.
- (D) Anh ấy dạy ở một trường ẩm thực ở Việt Nam

198. Ông Overbeck là ai?

- (A) Đầu bếp điều hành
- (B) Phó giám đốc
- (C) Giáo viên ẩm thực**
- (D) Chủ nhà hàng

199. Những gì nói về Đại học cộng đồng Boudreau?

- (A) Đưa ra giải thưởng ẩm thực**
- (B) Cung cấp các hội thảo nấu ăn miễn phí.
- (C) Cần một đầu bếp mới cho quán ăn.
- (D) Mời các đầu bếp nổi tiếng làm diễn giả

200. Cô Riou có khả năng làm việc ở đâu?

- (A) Quán cà phê River River
- (B) Khách sạn Lenoir
- (C) Nhà hàng hải sản Picard**
- (D) Tại Delphine Street Grill